



### Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

21/6D Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3589 4287 • Fax: 08. 3589 4288

www.dtwoodvn.com • www.goducthanh.com • www.winwintoys.com

*Thông tin chi tiết của Báo cáo thường niên này xin xem tại các trang web trên.  
Bản quyền của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành.*

**DT** CÔNG TY CỔ PHẦN  
DUC THANH GỖ ĐỨC THÀNH  
www.goducthanh.com • Mã CK: GDT



**Annual Report**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**



## Nội dung

• Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
• Tổng quan	
✓ Chiến lược kinh doanh	4
✓ Sứ mệnh và tầm nhìn	5
✓ Tổng hợp những nét chính	6
• Giới thiệu về công ty	
✓ Thông tin chung	8
✓ Chính sách chất lượng	9
✓ Khách hàng và mạng lưới phân phối	10
✓ Sản phẩm của công ty	12
✓ Quá trình hình thành và phát triển công ty	17
✓ Các thành tích	18
• Báo cáo của Hội đồng quản trị	22
• Báo cáo của Ban Điều Hành	25
✓ Tổng kết hoạt động năm 2013	26
✓ Phương hướng hoạt động năm 2014	32
• Báo cáo của Ban Kiểm soát	35
• Các thông tin về cổ đông	40
• Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán	44



Since 1991

1993

1995

2000

2005



## Contents

• Chairwomen's statement	77
• Board of Directors Report	81
Summary of Activities	82
Board of Executives Report	87
✓ Review of business operation in 2013	88
✓ Business plan for 2014	91
• Board of Supervisors Report	94
• Shareholder structure and corporate governance	98
• Audited Financial Statement	100



2007

2009

2011

2012

2013





## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Có **ĐỨC**, sẽ **THÀNH** công và là **CHÌA KHÓA**  
mở ra tất cả...

### Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Công ty Gỗ Đức Thành đã trải qua hơn 2 thập kỷ hoạt động và lớn mạnh. Đây không phải là quãng thời gian quá dài, nhưng cũng không hề ngắn, nó đủ để chứng minh sự tồn tại, phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong lĩnh vực chế biến gỗ. Phương châm kinh doanh được duy trì từ những ngày đầu thành lập đến nay là: "Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng. Giữ uy tín chính là giữ khách hàng", đã giúp chúng tôi luôn vững tay chèo qua bao nhiêu là thác ghềnh...

Kính thưa Quý vị, năm 2013 qua đi trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tuy có vài dấu hiệu hồi phục, nhưng kinh tế của một số nước lớn vẫn còn tăng trưởng chậm, thất nghiệp vẫn còn cao, sức mua vẫn rất hạn chế, nợ công nhiều... Tại Việt Nam, tình hình kinh tế tuy có vài chuyển biến tích cực về cuối năm, nhưng vẫn tồn tại những mặt yếu kém như hàng tồn kho còn lớn, bất động sản vẫn đóng băng, thị trường chứng khoán tụt dốc, kém thanh khoản v.v... đã tác động không thuận lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong nước. Điều này đã khiến hàng loạt công ty giải thể, thu hẹp sản xuất, thất nghiệp lại càng gia tăng và sức tiêu thụ hàng hoá vẫn kém...

Riêng tại Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành, do đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua những đợt thăng trầm của nền kinh tế, do dự đoán được những diễn biến phức tạp của thị trường, nên ngay từ đầu năm Công ty đã tranh thủ dự trữ nguồn nguyên liệu giá rẻ, tăng lương để thu hút nguồn lao động, quản lý sản xuất chặt chẽ để tiết kiệm chi phí mọi mặt, nhằm hạn chế không tăng giá bán, sẵn sàng đồng hành, chia sẻ khó khăn cùng với khách hàng v.v... Chính vì vậy, đến thời điểm kết thúc năm 2013 chúng ta lại hân hoan, phấn khởi đón nhận những con số doanh thu, lợi nhuận,... rất lạc quan.

Tôi rất tự hào và vui mừng công bố tổng doanh thu toàn Công ty năm 2013 đạt xấp xỉ 237 tỷ. Mặc dù doanh thu chỉ tăng trưởng 2,6% so với cùng kỳ và đạt 97% kế hoạch năm, nhưng điều này vẫn cho thấy thành tích của anh em rất nhiều, trong khi đa số các doanh nghiệp khác đều sụt giảm, thì chúng ta vẫn tăng trưởng. Lợi nhuận trước thuế lại tăng đến 9,8% so với cùng kỳ, đồng thời tăng 104,4% so với kế hoạch cả năm 2013. Đây là điều đáng nói và là điểm đặc biệt của Công ty Gỗ Đức Thành từ trước đến nay là: **Doanh thu tăng thì lợi nhuận cũng phải tăng**, nó chứng tỏ hoạt động điều hành của Công ty rất hiệu quả, không có hiện tượng chạy theo thành tích, doanh thu rất cao nhưng lợi nhuận thì rất thấp v.v...

Đây là một kết quả rất đáng trân trọng và phải được ghi nhận trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Những thành quả đạt được đó, một lần nữa cho thấy Hội đồng quản trị của Công ty đã luôn có những tầm nhìn chiến lược, luôn sát cánh cùng với Ban điều hành để chỉ đạo kịp thời, đưa ra những định hướng đúng đắn, toàn thể CB-CNV đã đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực hết mình để thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, chúng ta cũng không thể không nhắc đến các đối tác đã hợp tác chặt chẽ, Quý vị Cổ đông, khách hàng đã ủng hộ Gỗ Đức Thành từ nhiều năm nay.

Bước sang năm 2014, mặc dù có những dự báo tình hình kinh tế thế giới lẫn kinh tế trong nước sẽ khởi sắc hơn, tuy nhiên theo chúng tôi thì vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và vẫn chưa vững chắc... Vì vậy, chúng ta vẫn cần phải đề phòng mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra và phải có những sự chuẩn bị phù hợp. Nhưng với một lịch sử hoạt động từ trước đến nay như vậy, với những tiềm năng sẵn có như đã nêu trên, tôi vẫn có một niềm tin mãnh liệt rằng chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái được những thành công mới.

### Quý Cổ đông thân mến!

Sau một thời gian chuyển giao trọng trách cho lực lượng những người trẻ kế thừa, tôi nhận thấy anh em đã thật sự trưởng thành, chín chắn, biết phát huy nội lực, xoay chuyển tình thế để biến khó khăn thành thuận lợi. Tôi tin rằng, với tiềm năng sẵn có, với sự sát cánh và ủng hộ của HĐQT, Ban điều hành mới, trẻ này sẽ tiếp tục giữ gìn nếp văn hóa kinh doanh riêng có của Gỗ Đức Thành, sẽ phát huy tối đa nguồn lực để tiếp tục mang lại những kết quả khả quan cho năm 2014.

Lời cuối cùng, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác và toàn thể CB-CNV đã đóng góp, đồng hành cùng con đường phát triển của Công ty trong nhiều năm qua. Hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của Quý vị trong thời gian tới. Hy vọng sẽ tiếp tục các kỳ họp ĐHĐCĐ với những báo cáo lạc quan, và đặc biệt là mức chia cổ tức sẽ tiếp tục tăng.

### TM. Hội đồng Quản trị

LÊ HẢI LIỄU



## CHIẾN LƯỢC KINH DOANH



Sức mạnh của **GDT** nằm ở sự tập trung và nhất quán trong chiến lược kinh doanh. Từ ngày đầu thành lập đến nay, **GDT** vẫn tập trung xây dựng vị thế của mình trên thương trường như một nhà sản xuất hàng đầu về đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em được làm từ các loại gỗ cây trồng, đặc biệt là gỗ cao su. Các chiến lược kinh doanh nhằm phát huy tối đa điểm mạnh của công ty, bao gồm:

- 1** Xây dựng thương hiệu số 1 tại Việt Nam về đồ dùng nhà bếp, đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em từ các loại gỗ cây trồng.
- 2** Luôn đáp ứng được các đơn hàng gấp và các đơn hàng lớn, do tận dụng thế mạnh về nguyên liệu và quản lý sản xuất tốt.
- 3** Song song đó vẫn nhận các đơn hàng nhỏ nhưng có giá bán cao, nhằm khai thác tối đa tiềm lực của công ty.
- 4** Cạnh tranh bằng chất lượng và thời gian giao hàng, không cạnh tranh bằng giá cả thấp để bảo toàn tỷ suất lợi nhuận.
- 5** Hợp tác, liên kết với các đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý.
- 6** Sử dụng hợp lý nhất các nguồn lực về quan hệ, về nhân sự, tài chính, đất đai... cho mục tiêu phát triển dài hạn.

Bí quyết để công ty đạt được lợi nhuận tối đa và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh là thực hiện tốt chiến lược *đa dạng hóa thị trường Nội địa, Xuất khẩu, đặc biệt là không từ chối các đơn hàng nhỏ lẻ có tỷ suất lợi nhuận cao.*

Chiến lược này đã giúp công ty vượt qua được ảnh hưởng của thị trường khi nền kinh tế (cả trong lẫn ngoài nước) có nhiều biến động bất lợi, để vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng, từ trước đến nay và cả về sau.

## SỨ MỆNH VÀ TẦM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI

- ➔ Là công ty có trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng, và luôn có ý thức quan tâm bảo vệ môi trường.
- ➔ Là khách hàng luôn đồng hành và luôn giữ đúng cam kết về thanh toán đối với các nhà cung cấp.
- ➔ Là nhà sản xuất luôn giữ đúng cam kết về chất lượng và thời gian giao hàng với cả khách hàng xuất khẩu lẫn nội địa.
- ➔ Là doanh nghiệp luôn chú trọng để đem lại các lợi ích dài hạn và thỏa đáng cho tất cả các cổ đông.
- ➔ Là người sử dụng lao động có trách nhiệm, luôn quan tâm đến lợi ích và sự phát triển của từng thành viên trong công ty.
- ➔ Giúp cuộc sống người Việt tiện nghi hơn với những sản phẩm nhà bếp và đồ chơi hữu ích, đẹp, chất lượng và an toàn

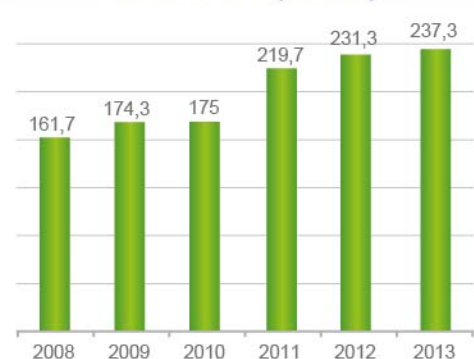


Mục tiêu những năm sắp tới của chúng tôi là trở thành nhà sản xuất đồ dùng nhà bếp và đồ chơi bằng gỗ

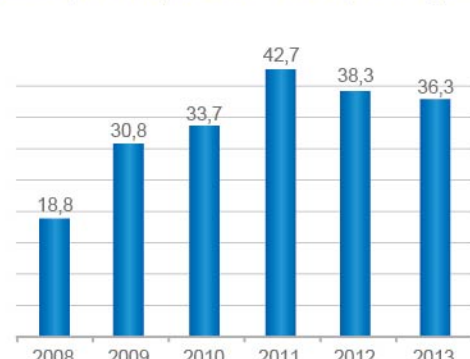
**Số 1 tại Việt Nam**



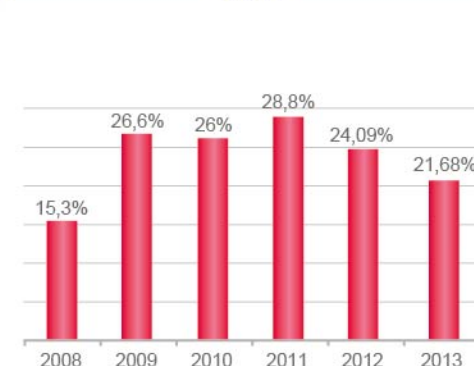
DOANH THU (Tỉ VNĐ)



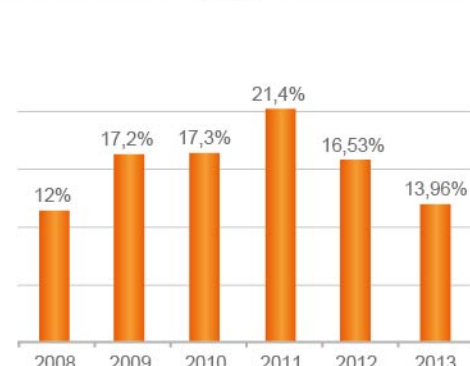
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỉ VNĐ)



ROE



ROA



Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu (tỉ VNĐ)	161,7	174,3	175,0	219,7	231,3	237,3
Lợi nhuận sau thuế (tỉ VNĐ)	18,8	30,8	33,7	42,7	38,3	36,3
ROE ( LN trên vốn CSH )	15,3%	26,6%	26%	28,8%	24,09%	21,68%
ROA ( LN trên tổng tài sản )	12,0%	17,2%	17,3%	21,4%	16,53%	13,96%

Trong năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thử thách, GDT vẫn cố gắng duy trì kết quả kinh doanh hiệu quả:

- Tổng doanh thu tăng 2,6% so với năm 2012, đạt 97,4% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 97,9% so với kế hoạch năm.

- Giá trị cốt lõi của GDD Đức Thành là **ổn định, hiệu quả & bền vững**.

ĐVT: 1.000 đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	161.694.646	174.267.882	175.017.411	219.685.394	231.283.510	237.366.929
Lãi gộp	38.809.031	64.307.151	64.983.292	73.327.592	69.262.391	80.574.288
LN thuần từ SXKD	22.740.955	37.389.385	38.712.660	47.215.896	45.929.782	50.780.565
Tổng lợi nhuận trước thuế	23.695.064	37.826.849	41.463.249	49.289.779	47.076.876	51.708.395
Thuế phải đóng	4.919.375	7.001.401	7.804.185	6.528.330	8.774.013	15.344.628
Lợi nhuận sau thuế	18.775.689	30.825.448	33.659.064	42.761.449	38.302.863	36.363.767
Tỷ lệ lãi gộp/DT thuần	24%	36,9%	37,1%	33,4%	29,9%	33,9%

Bảng cân đối tài sản	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	162.268.966	195.960.187	192.721.282	206.247.795	257.095.672	263.766.525
Vốn điều lệ	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	7.429.133	10.162.730	10.372.365	10.372.365	10.372.365	10.372.365
Vốn chủ sở hữu	112.446.461	119.692.652	139.613.444	157.354.019	160.709.501	174.766.634

Các chỉ tiêu khác	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>Cơ cấu tài sản</b>						
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	47,38%	50,72%	51,67%	57,94%	66,67%	71,12%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	52,62%	49,28%	48,33%	42,06%	33,33%	28,88%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>						
Nợ phải trả / Tổng tài sản	30,70%	38,92%	27,56%	23,71%	37,49%	33,74%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	69,30%	61,08%	72,44%	76,29%	62,51%	66,26%

Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản BQ	12,04%	17,21%	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH BQ	15,33%	26,56%	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	18,10%	29,72%	32,45%	41,23%	36,93%	35,06%
Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	11,61%	17,69%	19,23%	19,46%	16,56%	15,32%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.527	3.033	3.245	4.123	3.693	3.506





## THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : Công ty CP Chế biến gỗ Đức Thành  
 Tên viết tắt : Công ty CP Gỗ Đức Thành  
 Mã số DN : 0301449014  
 Vốn điều lệ : 19/5/1991  
 : 103.723.650.000 đồng

### Thông tin cổ phiếu

Sàn niêm yết : HOSE  
 Mã chứng khoán : GDT  
 Ngày bắt đầu niêm yết : 17/11/2009  
 Vốn điều lệ : 103.723.650.000 đồng  
 Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng  
 Số lượng CP niêm yết : 10.372.365 cổ phiếu



### Trụ sở chính và nhà máy ở TP HCM

Địa chỉ : 21/6D Phan Huy Ích, P. 14, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.  
 Email liên hệ : info@goducthanh.com  
 Điện thoại : (08) 3589 4287 • Fax: (08) 3589 4288  
 Website : www.goducthanh.com  
 Diện tích : 7.600 m<sup>2</sup>  
 Công suất : 5.000 m<sup>3</sup> gỗ thành phẩm/năm



### Nhà máy ở Bình Dương

Địa chỉ : Khu phố Tân Hội, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.  
 Điện thoại : (0650) 363 1491 • Fax: (0650) 363 1490  
 Diện tích : 30.000 m<sup>2</sup>  
 Công suất : 15.000 m<sup>3</sup> gỗ thành phẩm/năm



### Mạng lưới cửa hàng chuyên biệt:

#### • Winwinshop Nguyễn Văn Trỗi

Địa chỉ : 172 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q. Phú Nhuận  
 Điện thoại : (08) 3844 0721 • Fax: (08) 3844 0722  
 Email liên hệ : wwsnt@winwinshop.com.vn  
 Website : www.winwinshop.com.vn

#### • Winwinshop Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : 021 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Q.7  
 Điện thoại : (08) 5412 2644 • Fax: (08) 5412 3790  
 Email liên hệ : wwspmh@winwinshop.com.vn  
 Website : www.winwinshop.com.vn

Và hơn 1.000 cửa hàng, đại lý phân phối trên toàn quốc

## CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Công ty luôn giữ  
 cam kết về  
 chất lượng  
 và thời hạn  
 giao hàng

Văn hóa sản xuất ở Gỗ Đức Thành ngay từ những ngày đầu thành lập Công ty là:

“Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng”.  
 “Giữ uy tín chính là giữ khách hàng”.

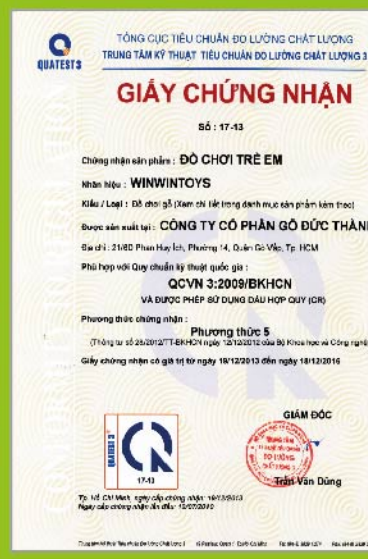
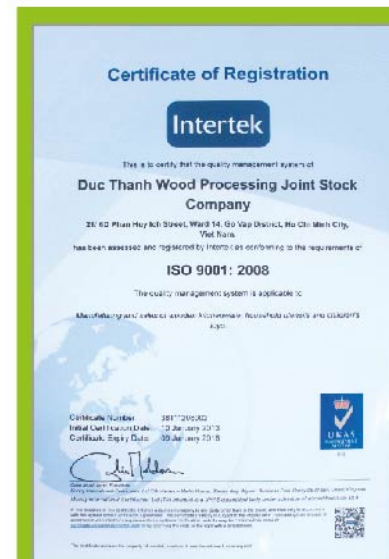
Giữ đúng cam kết về chất lượng chính là chìa khóa của thành công, điều này đã giúp chúng tôi phát triển bền vững đến ngày hôm nay.

GDT đã đạt chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 từ nhiều năm nay nhưng không chỉ dừng lại ở đó, mỗi CB-CNV của chúng tôi đều được khuyến khích phát huy sáng kiến và từng thành viên đều trở thành một nhân viên kiểm tra chất lượng cho các sản phẩm mang thương hiệu “Đức Thành”

Các sản phẩm của chúng tôi dù Xuất khẩu hay bán Nội địa đều có chất lượng tương đương nhau và đều đạt chứng nhận chất lượng của nước sở tại. Đặc biệt, mặt hàng Đồ chơi gỗ của chúng tôi luôn đạt tiêu chuẩn chất lượng châu Âu (CE) lẫn quy chuẩn chất lượng Việt Nam (CR) về an toàn đồ chơi cho trẻ em.

Đối với:

- Sản phẩm Thớt luôn đạt chứng nhận về hợp quy, an toàn thực phẩm và lọt vào Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng. Chúng tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất, chất lượng nguyên liệu, độ an toàn và hàng loạt tiêu chuẩn quốc tế khác... đã giúp Đức Thành đạt được Giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” do UBND TPHCM, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức. Giải thưởng như một nguồn động viên lớn cho Đức Thành trong việc tạo ra những sản phẩm xanh, sạch cho xã hội.
- Sản phẩm đồ chơi luôn đạt chứng nhận hợp quy về an toàn cho trẻ em CR, CE.





## Các khách hàng nhập khẩu chính



## Mạng lưới phân phối sản phẩm tại thị trường Nội địa

Cửa hàng đồ chơi : 647

Tổng cộng : 1.175

Cửa hàng gia dụng : 528

Bắc Giang, Thái Nguyên  
Cao Bằng, Lào Cai: 6 CHVĩnh Phúc, Điện Biên  
Tuyên Quang, Phú Thọ: 8 CHQuảng Ninh, Hải Dương  
Hải Phòng: 9 CHHà Nội, Hà Nam:  
75 cửa hàngNinh Bình, Nam Định  
Hà Tĩnh: 3 CHThanh Hóa, Nghệ An  
Quảng Bình: 10 CHHuế, Đà Nẵng  
Quảng Nam: 33 CHQuảng Trị, Lâm Đồng  
Đắk Lắk: 25 CHQuảng Ngãi, Bình Thuận  
Bình Định: 12 CHGia Lai, Phú Yên  
Khánh Hòa: 16 CHKon Tum, Đắk Nông  
Ninh Thuận: 5 CHĐồng Nai, Bình Dương  
Vũng Tàu: 70 CHBình Phước  
Tây Ninh: 9 CHTP. Hồ Chí Minh:  
317 cửa hàngLong An, Vĩnh Long  
Bến Tre: 12 CHTiền Giang, Hậu Giang  
An Giang: 11 CHCần Thơ, Trà Vinh  
Sóc Trăng, Cà Mau: 12 CHBạc Liêu, Đồng Tháp  
Kiên Giang: 14 CHHòa Bình, Lào Cai  
Lạng Sơn, Quảng Ninh: 5 CHHưng Yên, Vĩnh Phúc  
Hà Giang: 4 CHHà Nội:  
71 cửa hàngBắc Ninh, Nam Định  
Ninh Bình: 6 CHHải Phòng, Hải Dương  
Hà Tĩnh: 9 CHNghệ An, Thanh Hóa  
Quảng Trị: 16 CHQuảng Bình, Huế  
Đà Nẵng: 17 CHBình Định, Khánh Hòa  
Lâm Đồng: 18 CHĐắk Lắk, Gia Lai  
Kon Tum: 8 CHPhú Yên, Quảng Nam  
Quảng Ngãi: 7 CHNinh Thuận, Bình Thuận  
Bình Phước: 7 CHVũng Tàu, Đồng Nai  
Bình Dương: 23 CHTP. Hồ Chí Minh:  
302 cửa hàngTây Ninh, Long An  
Vĩnh Long: 4 CHTiền Giang, Hậu Giang  
An Giang: 10 CHCần Thơ, Bến Tre,  
Sóc Trăng: 8 CHĐồng Tháp  
Bạc Liêu: 8 CHKiên Giang  
Cà Mau: 5 CH





Gồ Đức Thành

**Thớt gỗ sạch Đức Thành  
bảo vệ bữa ăn gia đình bạn**





Đồ chơi bằng gỗ



Dòng sản phẩm đồ chơi

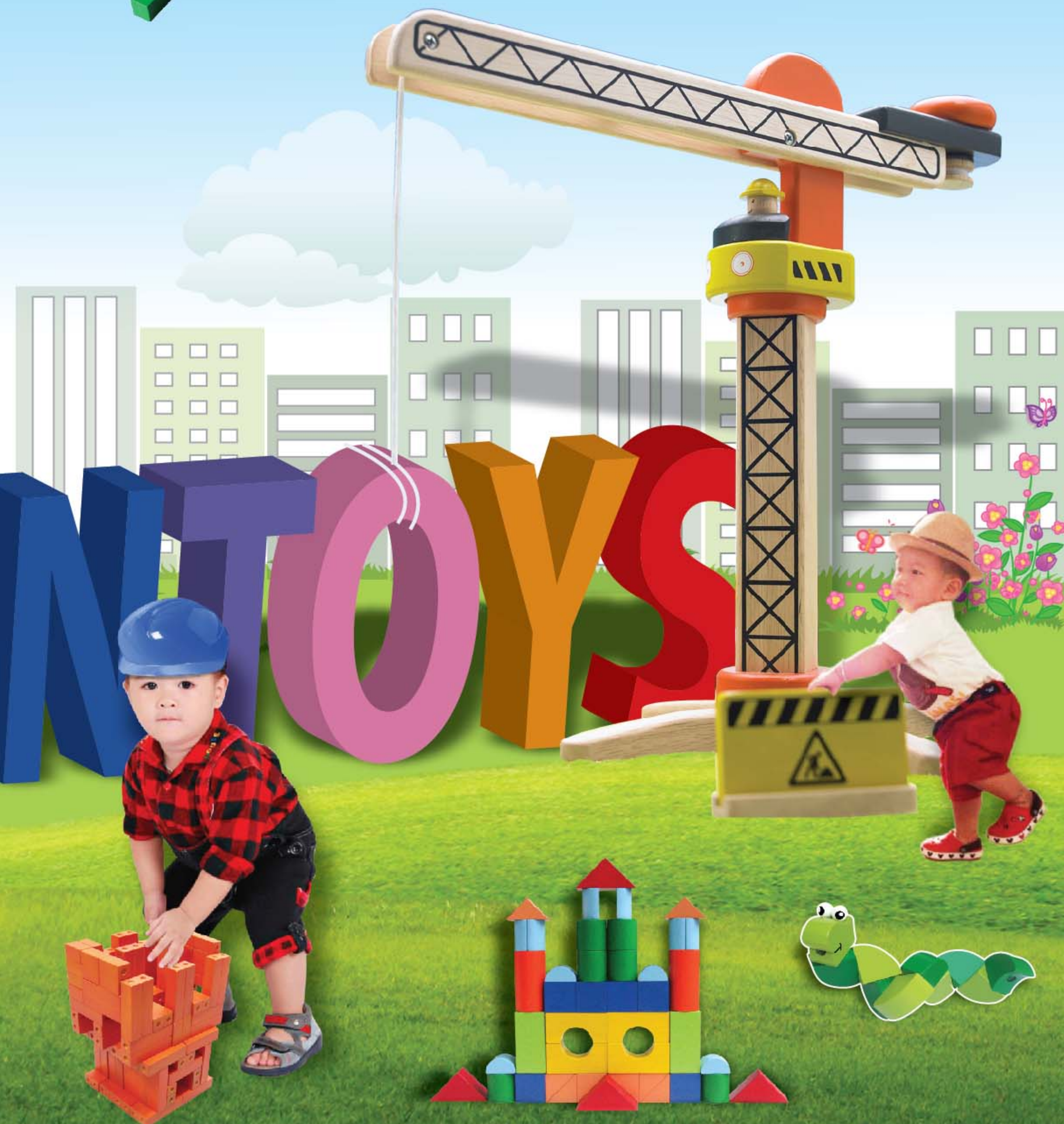
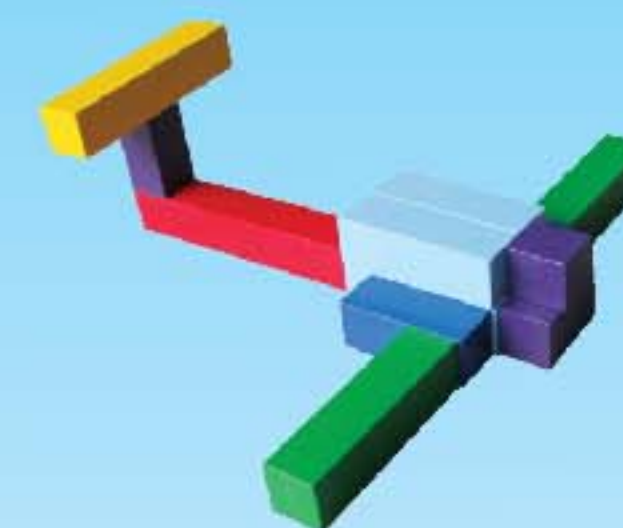


ĐỒ CHƠI BẰNG GỖ

\* VỪA CHƠI, VỪA HỌC

\* KÍCH THÍCH TRÍ TƯỞNG TƯỢNG, TƯ DUY LOGIC

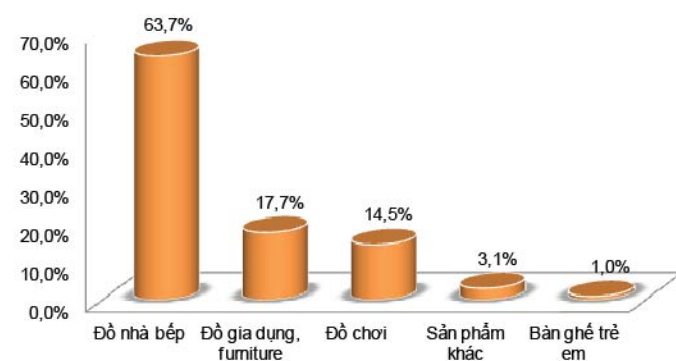
\* THÔNG MINH, SÁNG TẠO



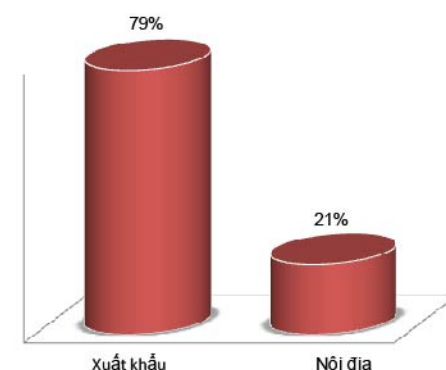


## CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2013

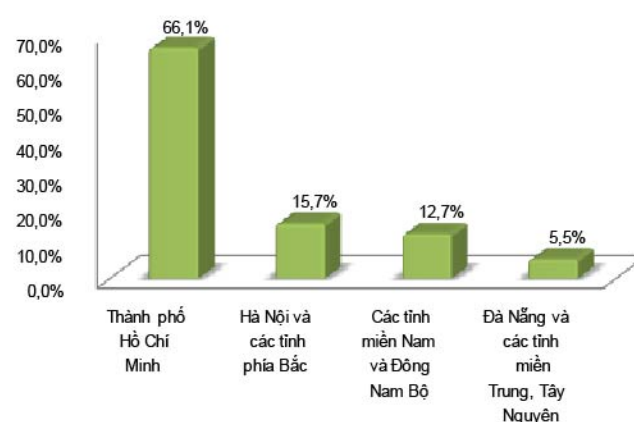
## Theo nhóm hàng



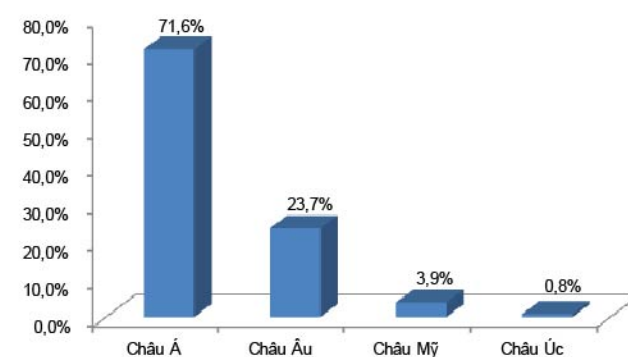
## Theo thị trường



## Theo thị trường nội địa



## Theo thị trường xuất khẩu



Việc cung ứng cho khách hàng **đa dạng ở khắp các châu lục, ở nội địa lẫn xuất khẩu...** là bí quyết để phòng ngừa mọi rủi ro trong kinh doanh

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- 1991** Ngày 19/5 Cơ sở chế biến Gỗ Tam Hiệp (tiền thân của GDT) ra đời với số vốn ban đầu là 105 triệu đồng và 60 công nhân.
- 1993** Phát triển thành Công ty TNHH Chế biến Gỗ Đức Thành với số vốn đăng ký 2,025 tỉ đồng và có hơn 130 công nhân.
- 2000** Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gỗ Đức Thành (GDT) với vốn điều lệ là 5,05 tỉ đồng và 20 cổ đông sáng lập.
- 2001** Công ty đã đạt được Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 do tổ chức BVQI cấp.
- 2002** Công ty tiến hành hai đợt tăng vốn điều lệ lên 15,050 tỉ đồng vào ngày 01/07/2002 và 25,050 tỉ đồng vào ngày 09/12/2002.
- 2003** Công ty khánh thành nhà máy thứ hai tại P.14, Q.Gò Vấp.
- 2004** Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 40,050 tỉ đồng.
- 2005** Quỹ Doanh nghiệp Mekong đầu tư 1,35 triệu USD vào GDT, nâng tổng số vốn điều lệ lên thành 49,536 tỉ đồng.
- Cùng năm này nhà máy thứ ba tại Tân Uyên, Bình Dương được khánh thành với tổng diện tích trên 3 ha và kinh phí đầu tư xấp xỉ 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2006** Quỹ Mekong tiếp tục đầu tư vào GDT 400.000 đô la Mỹ. Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 64,116 tỉ đồng.
- 2007** Quỹ PENM, quản lý bởi Bankinvest, chính thức đầu tư vào GDT hai triệu đô la Mỹ.
- 2008** Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 74,100 tỉ đồng.
- 2009** Quỹ Mekong thoái vốn, Tập đoàn Cao su Việt Nam vào đầu tư. Công ty tăng vốn điều lệ thành 103,723 tỉ đồng.
- Ngày 17/11/2009, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu GDT của mình trên sàn chứng khoán HOSE.
- 2010** Ra đời chuỗi cửa hàng Winwinshop để trực tiếp giới thiệu các sản phẩm của GDT đến tay người tiêu dùng.
- 2011** Ngày 19/5/2011, Công ty Gỗ Đức Thành tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.
- 2012** Ngày 21/11/2012, Quỹ PENM, quản lý bởi Bankinvest, sau 5 năm đầu tư vào GDT đến nay đã thoái vốn hết theo kế hoạch.
- Tháng 12/2012, mua thêm gần 8.000 m<sup>2</sup> đất để mở rộng nhà xưởng ở Tân Uyên, Bình Dương.
- 2013** Tháng 9/2013, Quỹ Elite (Phần Lan) chính thức đầu tư vào GDT, hiện đang nắm giữ 837.360 CP và trở thành cổ đông lớn của GDT.





## THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY

- 2013**
  - Bộ công thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2012".
  - Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt năm 2013" vì đã đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế cùng danh hiệu Top 100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
  - Sản phẩm Đức Thành tiếp tục đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012" do người tiêu dùng bình chọn.
  - Báo Lao động và Xã hội (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội) phối hợp cùng Tạp chí Gia đình & Trẻ em trao tặng giải thưởng "Top 100 Sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em năm 2013".
  - Liên đoàn lao động quận Gò Vấp trao tặng bằng khen chăm lo tốt các chế độ chính sách phúc lợi cho công nhân lao động trong dịp tết Quý Tỵ 2013
  - Gổ Đức Thành tái chứng nhận ISO 9001: 2008 có hiệu lực từ 10/1/2013 đến 10/1/2016.
- 2012**
  - UBND TP.HCM và Sở Tài Nguyên Môi trường trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp xanh 2012".
- 2011**
  - Bộ Công thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín".
  - Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt năm 2011".
  - UBND TP.HCM khen tặng danh hiệu: "Doanh nghiệp SG tiêu biểu năm 2011".
  - Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng.
- 2010**
  - Đạt Chứng nhận Thương hiệu uy tín, chất lượng - Trusted Brand 2010.
  - Bộ Công Thương trao tặng giải thưởng "Thương hiệu nổi tiếng quốc gia 2010".
  - Đạt Chứng nhận "Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010".
  - Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010" do người tiêu dùng bình chọn.
- 2009**
  - Bộ khoa học và Công nghệ TP.HCM tặng danh hiệu "Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009".
- 2008**
  - Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen "Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
  - Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công tác khác năm 2007".
- 2007**
  - UBND TP.HCM tặng danh hiệu Top ten "Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007".
  - Đạt Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2006" do Bộ Thương mại xét chọn.
  - UBND TP.HCM tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong công tác "Đền ơn đáp nghĩa" nhân kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh liệt sĩ 1947 - 2007.
- 2006**
  - Bằng khen "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ba năm liền 2004, 2005, 2006" do Bộ Thương mại tặng.
- Khác**
  - Bộ Thương mại cấp Giấy chứng nhận đạt danh hiệu "Doanh nghiệp uy tín - chất lượng 2005" (số VNE.05.0032)
  - Cục trưởng Cục thuế TP.HCM tặng Giấy khen vì đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước năm 2003 (QĐ số 350/QĐ - CT)
  - Và v.v...



## CÁC BÁO CÁO CHÍNH

- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- Báo cáo của Ban Điều Hành
- Báo cáo của Ban Kiểm Soát



## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2014 có tất cả 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia điều hành tại Công ty và 02 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT luôn đóng góp ý kiến, giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tập trung vào các định hướng phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

### 1 Bà Lê Hải Liễu.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Sinh năm : 18/02/1962

Trình độ : Cử nhân Thống kê – Toán, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Từ T4/2012 đến nay Bà Liễu đã từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc mà chỉ tập trung vào vai trò Chủ tịch HĐQT. Bà là người có vấn đề "đặc biệt" cho Tổng Giám đốc kể nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến việc điều hành và quản lý Công ty.

2006 - T4/2012, với cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Bà luôn đề ra các định hướng chiến lược đúng đắn, đưa Công ty Gỗ Đức Thành ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững qua nhiều biến cố của thị trường...

- 2003 - 2006 : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP gỗ Đức Thành.
- 2000 - 2003 : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP gỗ Đức Thành.
- 1993 - 2000 : Giám đốc Công ty TNHH gỗ Đức Thành.
- 1991 - 1993 : Du học tự túc tại Tây Đức.
- 1985 - 1991 : Giảng viên Khoa Thống kê - Toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM..

### Ông Lê Hồng Thắng 2

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc.

Sinh năm : 27/07/1975

Trình độ : Kỹ sư cơ khí động lực, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM.

Từ T1/2013 đến nay ông Thắng là Tổng giám đốc mới của Công ty, thay cho Bà Liễu. Ông có gần 16 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ nên rất am hiểu các quy trình sản xuất, kỹ thuật... những lợi thế này đã giúp Ông rất nhiều trong việc đáp ứng tất cả các đơn hàng sản xuất của công ty, cho dù khó hay gấp. Ông lại là em ruột của Bà Liễu nên được hỗ trợ và tương tác tốt giữa HĐQT và BĐH giúp việc quản trị Công ty tốt, vì vậy ông đã tiếp tục đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT đã giao phó.

- T4/12 - T1/13 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng giám đốc Công ty CP gỗ Đức Thành.
- 2009 - T3/2012 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP gỗ Đức Thành
- 2007 - 2009 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc sản xuất Công ty CP gỗ Đức Thành.
- 2003 - 2007 : Phó Giám đốc thường trực Công ty CP gỗ Đức Thành.
- 2000 - 2003 : Giám đốc nhà máy gỗ Đức Thành, chi nhánh tại Đắc Lắc.
- 1998 - 2000 : Nhân viên Công ty TNHH gỗ Đức Thành



### 3 Ông Lê Hồng Thành

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, kiêm Phó Tổng giám đốc



Sinh năm : 02/04/1973.

Trình độ : Quản trị về Xuất nhập khẩu và quản lý sản xuất.

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nói chung, là người hoạch định chiến lược phát triển nhân sự, đề ra nhiều chế độ giữ người lao động, đảm bảo nguồn lao động luôn đáp ứng đầy đủ cho sản xuất. Đồng thời, ông đã đóng góp rất nhiều trong việc tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu, giá cả ổn định, chất lượng đáp ứng kịp thời cho sản xuất giúp Công ty giảm chi phí đáng kể.

- 2011 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần gỗ Đức Thành
- 2007 - 2010 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc HCNS Công ty CP gỗ Đức Thành
- 2003 - 2007 : Phó Giám đốc sản xuất Công ty CP gỗ Đức Thành
- 2001 - 2003 : Phụ trách mảng chứng từ xuất nhập khẩu Công ty CP gỗ Đức Thành.

### Ông Trần Xuân Nam 4

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập

Sinh năm : 01/ 01/ 1966.

Trình độ : Cử nhân kinh tế, trường Đại Học Kinh tế Tp.HCM.

Ông đã có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán, ông Nam đã có vấn đề rất hữu hiệu cho GDT về các chiến lược đầu tư, niêm yết và quan hệ Cổ đông. - T10/2013 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Phương Nam (PNS) - T11/2012 đến T8/2013 : Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Phương Đông (ORS)

2/2010 - 2/2012 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

- 2003 - 2010 : Giám đốc tư vấn tài chính tại Công ty CP Chứng khoán TP.HCM (HSC)
- 1997 - 2003 : Chuyên viên tư vấn đầu tư Quỹ Đầu Tư Phát triển đô thị TP.HCM (HIFU).
- 1995 - 1997 : Quản lý và điều hành SXKD tại Công ty TNHH Dệt may thương mại Tiên Phong.



### 5 Ông Nguyễn Công Hiếu

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập



Sinh năm : 24/10/1961.

Trình độ : Cử nhân Kinh tế ngoại thương; Kỹ sư cơ khí; Pr. CEO.

Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hành chính, ông am hiểu các chính sách luật và đã có vấn đề rất hữu hiệu cho GDT về nhiều vấn đề...

- T10/09 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex - Saigon.
- T05/08 đến nay : Trưởng Phòng Hành chính Cty Transimex - Saigon.
- 2005 - T5/2008 : Phó Trưởng Phòng Hành chính Cty Transimex - Saigon.
- 2002 - 2005 : Trưởng Trung tâm Kho cảng ICD Transimex - Saigon.
- 1999 - 2002 : Kế hoạch, Pháp chế Công ty Transimex - Saigon.
- 1988 - 1999 : Kỹ thuật, Hành chính, Đại lý tàu Cty Transimex - Saigon.



KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ,

Với vai trò quản trị, định hướng và giám sát các hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) các việc đã thực hiện như sau:

TỔNG KẾT NĂM 2013

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Đức Thành (“GDT”) đã thực hiện tốt chức năng của mình với 4 nhiệm vụ chủ yếu gồm: hoạch định – tổ chức – lãnh đạo - kiểm tra.

Trong năm 2013 qua:

- HĐQT họp định kỳ mỗi quý và họp bất thường khi có nhu cầu để thảo luận, nghe báo cáo và theo sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Đa số các thành viên đều tham dự họp đầy đủ, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực.
- HĐQT đã hoàn tất việc rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển và các biện pháp giải quyết... phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tuân theo quy định của Pháp luật.
- Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đã tổ chức thực hiện và báo cáo đầy đủ các Nghị quyết mà ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị : Gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

Họ và tên	Chức vụ	Kinh nghiệm trong lĩnh vực gỗ, tài chính, hành chính...
Lê Hải Liễu	Chủ tịch HĐQT	25 năm
Lê Hồng Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	16 năm
Lê Hồng Thành	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	19 năm
Trần Xuân Nam	Ủy viên HĐQT	17 năm
Nguyễn Công Hiếu	Ủy viên HĐQT	25 năm

2. CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu toàn công ty năm 2013 đạt 237,3 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 97,4% so với kế hoạch cả năm.

LNTT đạt 51,7 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng 4,4% so với kế hoạch cả năm.

LNST đạt 36,3 tỷ đồng, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 97,9% so với kế hoạch cả năm.

Thị trường bất động sản năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, “vẫn còn nằm trong vùng đáy” nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương vẫn chưa thực hiện được.

Đối với dự án mở rộng nhà máy tại Tân Uyên\_ Bình Dương, GDT đã mua xong phần đất mở rộng và đang tiến hành xin Giấy phép xây dựng.

3. ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Ernst and Young thực

hiện kiểm toán cho GDT trong năm tài chính 2013. Trong quá trình làm việc, GDT đã cung cấp chứng từ và đáp ứng đầy đủ, hợp lý các chuẩn mực về kế toán, bên công ty kiểm toán cũng hoạt động rất chặt chẽ và có trách nhiệm.

4. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ.

Các quy định về công bố thông tin được chấp hành tốt, đảm bảo tính kịp thời, công khai, minh bạch.

Duy trì thường xuyên các hoạt động, tiếp xúc cung cấp thông tin cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước qua các kênh khác nhau với chất lượng thông tin tốt, được nhà đầu tư đánh giá cao.

Công ty đã tiến hành chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/4/2013 là 25% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông, cụ thể:

- Đợt 1 năm 2013 : chia ngày 03/10/2013 là 10%.
- Đợt 2 năm 2013 : chia ngày 11/12/2013 là 8%.
- Đợt 3 năm 2013 : mức chia và thời gian chia sẽ được thực hiện ngay sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ tổng kết năm 2013.

5. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/4/2013, công ty đã chi trả thù lao cho tất cả các thành viên của HĐQT và BKS là 600.000.000 đồng, chiếm tỉ trọng 0,25 % trên tổng doanh thu của năm 2013.

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Năm 2014, định hướng chủ đạo là bám sát thị trường để củng cố vị trí sản xuất, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước, tiếp tục phát triển theo chiều sâu lấy phương châm “nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng; giữ uy tín là giữ khách hàng” làm trọng, hướng tới phát triển bền vững. HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ trong năm tài chính 2014. Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ theo quy định để thảo luận, thông qua báo cáo, kế hoạch... nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.
2. Hoàn thiện tổ chức nhân sự trong nội bộ HĐQT và BKS.
3. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh.
  - Tổng doanh thu đạt 252,8 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2013
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 57,425 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2013.
  - Lợi nhuận sau thuế đạt 44,7 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2013
4. Tìm kiếm, lựa chọn thêm đối tác chiến lược và tăng vốn điều lệ để tăng thêm sức mạnh của Công ty.
5. Giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của BDH nhằm:
  - Đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững.
  - Tăng cường công tác quản trị tài chính theo chuẩn mực, kiểm toán nội bộ cho hiệu quả.



- Quản trị nguồn nhân lực: Tiếp tục đổi mới quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự còn khuyết. Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, luân chuyển công việc của cán bộ giữa các phòng ban để có nhân sự dự phòng và đào tạo lực lượng nhân sự kế thừa.
  - Ổn định và nâng cao đời sống người lao động, phát triển văn hóa doanh nghiệp.
6. Tiến hành xây dựng mở rộng nhà máy Tân Uyên, Bình Dương nhằm gia tăng công suất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  7. Tiếp tục nỗ lực tìm kiếm đơn vị chuyển nhượng lại đất ở Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương để đem về khoản lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 25 tỷ đồng cho Công ty.
  8. Tiếp tục đẩy mạnh việc quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm tài chính 2013, tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến tham gia góp ý của Quý vị Cổ đông nhằm giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

Năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn và nhiều áp lực... nhưng với nền tảng vững chắc sau 22 năm hoạt động, với sự đồng lòng của hơn 1.000 CB-CNV năng động, nhiệt huyết, cùng với sự ủng hộ của Quý cổ đông trong và ngoài nước, chúng tôi đã sẵn sàng với quyết tâm cao nhất để tiếp tục thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2014 đề ra.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



LÊ HẢI LIỄU



## CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Bà Lê Hải Liễu

Chủ tịch HĐQT (Xem trang 20)

### 3. Ông Lê Hồng Thành

Phó Tổng Giám Đốc (Xem trang 21)

### 5. Ông Nguyễn Văn Đức

Phó Giám đốc Kỹ thuật

Sinh năm : 16/7/1955.

Trình độ : Cao đẳng cơ khí, Đại học Bách Khoa, Tp.HCM.

Từ năm 2003 đến nay, Ông giữ chức vụ là Phó giám đốc kỹ thuật, Ông có nhiều đóng góp cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất làm việc hiệu quả và tiết kiệm.

1995 - 2003 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

1992 - 1995 : Kỹ thuật viên công ty sản xuất ván ép Đức Phát.

1988 - 1992 : Gia công cơ khí tại nhà.

1977 - 1988 : Cán bộ kỹ thuật nhà máy cơ khí hóa chất.

### 7. Ông Chế Đồng Khánh

Phó Giám đốc Sản xuất

Sinh năm : 18/7/1976.

Trình độ : 12/12.

2011 đến nay : Phó Giám đốc sản xuất Công ty Gỗ Đức Thành

2009 - 2011 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

2007 - 2009 : Phó quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành.

2003 - 2007 : Kỹ thuật khâu Hoàn tất, Bo cạnh, Chà nhám Công ty Gỗ Đức Thành.

### 2. Ông Lê Hồng Thắng

Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm TGĐ (Xem trang 20)

### 4. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc Hành chính Nhân sự

Sinh năm : 02/10/1974

Trình độ : Cử nhân Kế toán, Đại học thương mại Tp.HCM.

Gắn bó với Công ty từ những năm 1995, Bà Huyền đã có nhiều kinh nghiệm ở các công việc khác nhau, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Điểm nổi bật của Bà là người truyền tin hiệu quả những thông điệp của Ban điều hành đến đội ngũ CB - CNV. Bà cũng là người điều hành, tổ chức thành công các sự kiện của Công ty.

T11/2012 đến nay : Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty gỗ Đức Thành

2003 - T10/2012 : Trưởng phòng Hành chính nhân sự Công ty gỗ Đức Thành.

1997 - 2003 : Nhân viên kinh doanh Nội địa kiêm Kế toán kho Công ty gỗ Đức Thành.

1995 - 1997 : Nhân viên kinh doanh Nội địa Công ty gỗ Đức Thành.

### 6. Bà Bùi Phương Thảo

Kế toán trưởng

Sinh năm : 01/01/1979.

Trình độ : Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế, Tp.HCM.

2011 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty gỗ Đức Thành

2009 - 2011 : Phó phòng Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2006 - 2009 : Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2001 - 2005 : Kế toán Công ty TNHH SX XD TM Cơ khí Minh Giang.



## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tính đến ngày 31/12/2013, GDT đã đạt được các chỉ tiêu tài chính như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Tăng/giảm so với cùng kỳ	KH 2013 đã điều chỉnh	Tăng/giảm so với KH
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(3)/(5)
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>231,284</b>	<b>237,366</b>	<b>102,6%</b>	<b>243,625</b>	<b>97,43%</b>
	- Xuất khẩu	192,494	188,393	97,8%	196,075	96,08%
	- Nội địa	38,132	48,289	126,6%	47,000	102,74%
	- Cho thuê xưởng	0,658	0,683	103,8%	0,550	124,28%
2	<b>Lợi nhuận trước thuế (*)</b>	<b>47,077</b>	<b>51,708</b>	<b>109,83%</b>	<b>49,522</b>	<b>104,41%</b>
3	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>38,303</b>	<b>36,363</b>	<b>94,8%</b>	<b>37,142</b>	<b>97,90%</b>

Ghi chú: (\*) Xem chi tiết báo cáo kiểm toán trang số 67

Điểm nổi bật nhất trong Tổng kết hoạt động năm 2013 này là doanh thu Nội địa đạt được 48 tỷ đồng, tăng đến 26,6% so với năm 2012, chiếm 21% tổng doanh thu toàn Công ty và đạt 102,7% kế hoạch đã đề ra.

Phòng Nội địa đặc biệt tập trung vào 3 mũi nhọn:

- Tăng thêm sản phẩm mới và đa dạng sản phẩm cho phù hợp với nhiều đối tượng.
- Khai thác các khách hàng dự án tiềm năng. Khách hàng dự án đến từ các công ty lớn như Dutch Lady, Abotte; Unilever... đã góp phần gia tăng đáng kể cho doanh thu năm nay.
- Quản lý tốt chính sách phân phối, kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng và chuyên nghiệp hóa đội ngũ bán hàng.

Mạng lưới phân phối sâu rộng khắp tỉnh thành cả nước cũng là lợi thế của GDT:

Sản phẩm đồ dùng nhà bếp thương hiệu Gổ Đức Thành và đồ chơi trẻ em Winwintoy đã được bày bán thông qua 1.175 cửa hàng, đại lý trên toàn quốc, tăng 15% so với năm 2012. Trong đó:

- Tp.HCM chiếm 66,1%
- Hà Nội và các tỉnh phía Bắc chiếm 15,7%
- Các tỉnh miền Nam và Đông Nam Bộ chiếm 12,7%
- Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên chiếm 5,5%

Doanh thu Xuất khẩu năm 2013 chỉ đạt 188,3 tỷ đồng, chiếm 79,4% tổng doanh thu toàn Công ty, đạt 97,8% so với năm 2012, đạt 96,08% so với kế hoạch cả năm. Nguyên nhân doanh thu xuất khẩu giảm so với kế hoạch là do thị trường thế giới gặp nhiều khó khăn do kinh tế suy thoái.

Sản phẩm chủ yếu xuất sang các nước như: Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Hồng Kông, Đức, Anh, Ý, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Úc... trong đó Châu Á chiếm 71,6%, Châu Âu chiếm 23,7% tổng doanh thu Xuất khẩu.

### 2. Chỉ tiêu hiệu quả và hoạt động quản lý tài chính

Chỉ tiêu hiệu quả	2012	2013
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	16,53%	13,96%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	24,09%	21,68%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	16,56%	15,32%

Năm 2012 được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), trong khi năm 2013 không còn được ưu đãi nữa, và phải tính theo thuế suất phổ thông là 25% nên lợi nhuận sau thuế và các tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm so với năm 2012 là do yếu tố khách quan.

Thành tích của GDT trong năm 2013 vừa qua là:

- Kiểm soát, quản lý gỗ chặt chẽ, sử dụng, tận dụng gỗ hiệu quả... đã góp phần mang lại lợi nhuận trước thuế cao là 51,7 tỷ, tăng xấp xỉ 10 % so với 2012.
- Quản lý tài chính một cách thận trọng và chặt chẽ, và không gặp bất cứ một rủi ro khách quan nào từ thị trường.
- Tăng cường theo dõi sát tỷ giá ngoại tệ, biến động lãi suất giữa các thời kỳ và giữa các ngân hàng... để có những quyết định đúng đắn, phù hợp nhằm đem lại lợi nhuận từ hoạt động tài chính về cho Công ty là 4,5 tỷ.

### 3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013

Vốn chủ sở hữu	: 174.766.634.014 đồng
Tài sản cố định hữu hình	: 30.215.414.183 đồng
Tài sản vô hình	: 12.474.610.003 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 10.372.365 cổ phiếu
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	: 15.647 đồng

**Lợi nhuận sau thuế trên 1 cổ phiếu của Công ty, EPS là 3.506 đồng/cổ phiếu.**

**Giá đóng cửa trên sàn Hose vào ngày 31/12/2013 là 23.100 đồng/cổ phiếu, như vậy chỉ số PE của cổ phiếu GDT là 6,6**

**4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn** tài chính Công ty luôn lành mạnh với lượng tiền mặt là 3,5 tỷ đồng và đầu tư tài chính ngắn hạn là 91 tỷ đồng, chiếm 35% trên tổng tài sản. Vay ngắn hạn giảm từ 53,7 tỷ đồng (đầu năm) xuống còn 37,2 tỷ đồng vào cuối năm 2013 và hầu như không có khoản nợ xấu nào.

### 5. Hoạt động sản xuất

BĐH đã xác định phải đảm bảo sản xuất ngày càng hiệu quả, cải tiến năng suất để giảm chi phí. Tính đến ngày 31/12/2013, lợi nhuận ròng của công ty đạt 15,3% so với doanh thu 237,3 tỷ đồng. Có được kết quả này do:

- Chủ tịch HĐQT là Bà Lê Hải Liễu và các thành viên HĐQT luôn luôn đồng hành cùng BĐH để nhận định kịp thời, và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện một cách nhạy bén, hiệu quả.
- BĐH trẻ, năng động, nhiệt huyết và đầy sáng tạo trong công việc, đặc biệt dưới sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tâm của TGD Lê Hồng Thắng nhằm tạo sự linh động của bộ máy điều hành.



- BÐH và tập thể CB-CNV đã tìm ra những vấn đề chủ chốt cần kiểm soát và cải tiến để đem lại hiệu quả cũng như quản lý chặt chẽ việc sử dụng gỗ, giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và tận dụng tốt nguồn phế liệu.
- Lập Ban cải tiến 5S - Kaizen nhằm phát huy nhiều sáng kiến để tổ chức lại sản xuất, năng suất của công nhân được cải thiện rõ rệt. Có sự phối hợp đồng bộ, ăn ý giữa bộ phận xuất khẩu, vật tư, sản xuất, công nhân có tay nghề... quyết tâm đeo bám mục tiêu chất lượng sản phẩm.
- Duy trì được khả năng sản xuất với số lượng lớn, thời gian gấp mà vẫn đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận với khách hàng.
- Hơn 22 năm thành lập đến nay, GDT luôn tự hào chưa có bất kỳ cuộc đình công, lãn công nào xảy ra, chưa bao giờ trễ lương của người lao động. Đây cũng chính là yếu tố quyết định giữ chân người lao động gắn bó, làm việc lâu năm với công ty và nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.

## 6. Tình hình đầu tư mở rộng sản xuất

Cả năm 2013, GDT chỉ đầu tư xấp xỉ 1,5 tỷ đồng để mua thêm trang thiết bị, máy móc cho 2 xưởng sản xuất ở Tp.HCM và Bình Dương... phục vụ cho sản xuất.

Về dự án mở rộng nhà máy ở Tân Uyên, Bình Dương, GDT đã mua gần 7.000 m<sup>2</sup> đất để xây dựng nhà máy và mua thêm 400 m<sup>2</sup> đất để làm đường đi, tổng trị giá 4,05 tỷ đồng và đang thực hiện xin giấy phép xây dựng.

## 7. Bổ nhiệm thành viên cấp cao

BÐH tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm các nhân sự giữ chức vụ chủ chốt theo năng lực phù hợp:

**Về mặt điều hành, ĐHĐCĐ năm qua đã đồng ý bổ nhiệm:**

Ông Lê Hồng Thắng từ Quyền Tổng Giám đốc lên Tổng Giám đốc.

**Về mặt quản lý, đã bổ nhiệm:**

Bà Phan Thị Vân từ Phó phòng Nội địa lên Trưởng phòng Nội địa.

## 8. Lương thưởng của Ban điều hành

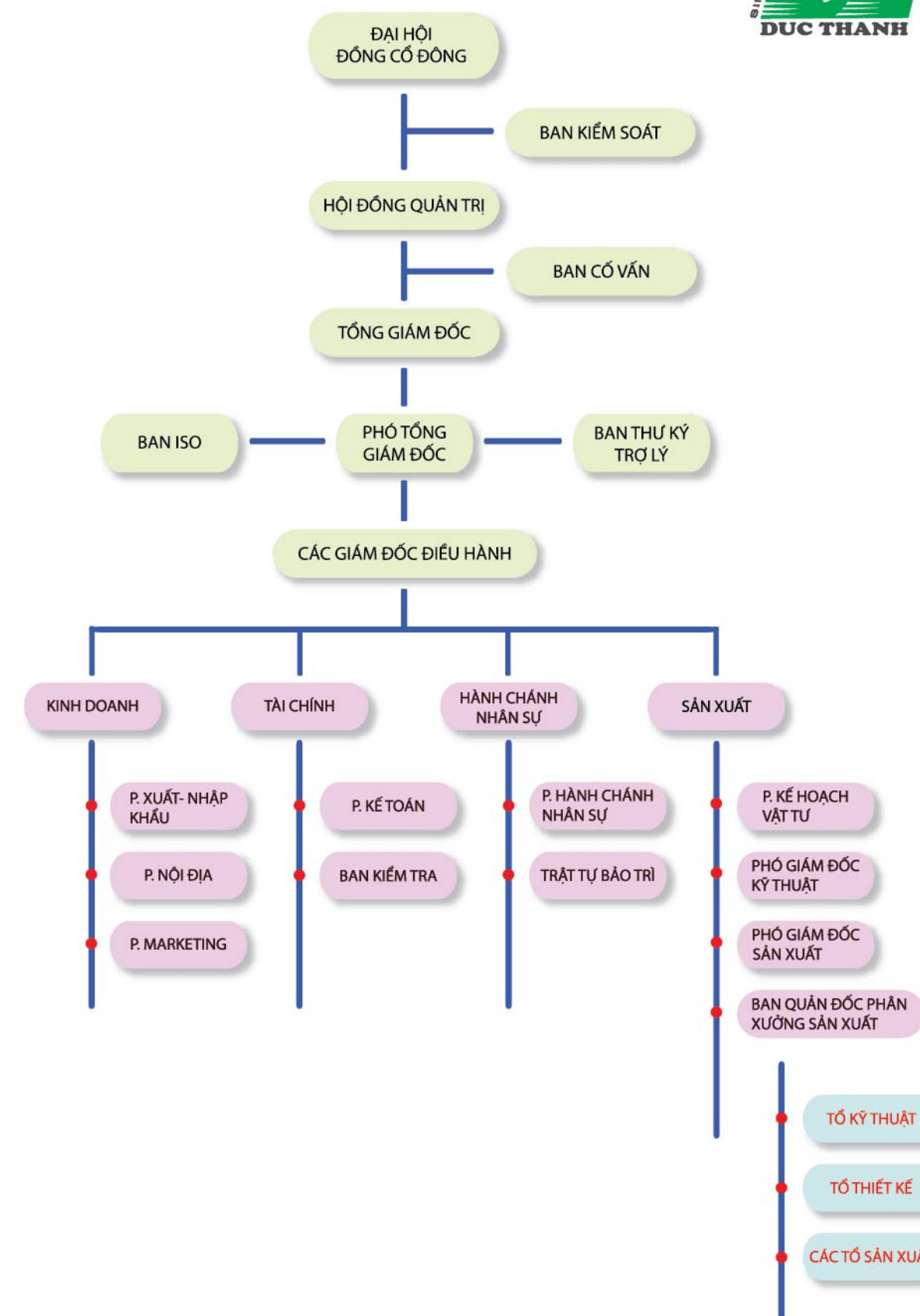
Các khoản lương và thưởng của BÐH trong năm 2013 là 2.269.965.000 đồng, tăng 48% so với lương, thưởng của BÐH năm 2012 do những thành tích xuất sắc đã đạt được. Năm 2013, Chủ tịch HĐQT Lê Hải Liễu dù không nhận lương nữa, nhưng vẫn tích cực hỗ trợ BÐH nhằm tiết giảm chi phí, đem lại lợi nhuận tốt nhất cho các cổ đông.

## 9. Hoạt động tổ chức và nhân sự

Luôn ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, xem nguồn nhân lực là tài sản của doanh nghiệp, là nhân tố quyết định sự thành công và phát triển bền vững của Công ty. Cho đến nay, GDT rất tự hào khi có được một đội ngũ những người lao động trung thành, luôn đoàn kết cùng nhau và làm việc vì lợi ích chung. Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số nhân viên là 991 người, trong đó:

- Có 835 lao động trực tiếp sản xuất và 156 lao động gián tiếp.
- Có 2 nhân viên trình độ thạc sĩ, 50 trình độ đại học, 35 trình độ cao đẳng và 32 trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
- Số CB-CNV làm việc trên 5 năm là 232 nhân viên, chiếm 23,4%/tổng số nhân viên toàn Công ty.

## Sơ đồ tổ chức







Để anh em gắn bó lâu dài, GDT:

- Luôn cải thiện môi trường làm việc...
- Kịp thời tăng lương, tăng thêm các khoản trợ cấp phù hợp với tình hình biến động giá trên thị trường, giúp anh em cải thiện thu nhập. Ngoài các khoản lương thưởng, GDT có nhiều chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần làm việc, sáng tạo của anh em.
- Tự nguyện mua bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho toàn thể CB - CNV và có nhiều chính sách hỗ trợ giúp người lao động có hoàn cảnh khó khăn hoặc khi gặp tai nạn v.v...

Niềm tự hào của Công ty là BDH luôn có nhiều chế độ đãi ngộ, sự quan tâm thấu đáo của cấp lãnh đạo đối với nhân viên, mà cũng là điều GDT luôn được các đối tác tin cậy và là lựa chọn hàng đầu của khách hàng... bởi khả năng cung cấp sản phẩm đúng hẹn đối với những đơn hàng lớn.

#### 10. Các hoạt động xã hội

Song hành cùng với hoạt động phát triển kinh doanh, GDT luôn quan tâm hướng đến cộng đồng. Đó là truyền thống tương thân tương ái mà từ trước đến nay GDT vẫn luôn duy trì và phát huy. Hàng năm, GDT đã dành một khoản kinh phí để tham gia các hoạt động từ thiện xã hội bên ngoài như:

- Ủng hộ chăm lo Tết cho các gia đình khó khăn tại Bình Dương và TP.HCM
- Ủng hộ Hội nạn nhân chất độc màu da cam dioxin tại Quảng Nam
- Tài trợ phòng khám chữa bệnh cho người nghèo
- Tặng đồ chơi cho trẻ em mồ côi tại các mái ấm tình thương
- Tài trợ tiêm ngừa Rubella cho công nhân nữ
- Hỗ trợ con em công nhân mồ côi

Ngoài ra, GDT luôn luôn:

- Ủng hộ ngay chính CB-CNV của mình. Với Quỹ học bổng Lê Ba (lấy tên ông Lê Ba là người sáng lập GDT) hàng năm đã giúp con em CB-CNV có thêm các suất học bổng, tiếp bước cho các em đến trường tốt hơn.
- Ủng hộ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ anh em khi mắc bệnh hiểm nghèo hay gặp tai nạn bất ngờ.
- Tài trợ khám chữa bệnh phụ khoa và tầm soát ung thư cho toàn thể chị em phụ nữ là CB-CNV trong Công ty.
- Không quên chăm sóc tốt nhất cho CB - CNV, bằng các hoạt động định kỳ như hoạt động ngoại khóa, tạo sân chơi lành mạnh: tổ chức đi du lịch hàng năm, hội thi bàn tay vàng, câu lạc bộ đá bóng, v.v... nhằm giúp CB - CNV có thời gian gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tạo sự gần gũi, đoàn kết nhau hơn.





PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

BĐH sẽ cố gắng hết sức để đảm nhận kế hoạch phải tăng trưởng doanh thu cho năm 2014

STT	Chỉ tiêu (tỉ đồng)	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	237,366	252,812	7%
	- Doanh thu xuất khẩu	188,393	198,152	5%
	- Doanh thu nội địa	48,289	54,000	12%
	- Doanh thu cho thuê xưởng	0,683	0,660	(3%)
2	Tổng chi phí	185,658	195,387	5%
3	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh trước thuế	51,708	57,425	11%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	36,363	69,792	92%
	- Lợi nhuận sau thuế từ SXKD	36,363	44,792	23%
	- Lợi nhuận sau thuế thu được dự kiến nếu chuyển nhượng khu đất Mỹ Phước 2, BD		25,000	

Với những nền tảng đã có, trong năm 2014 GDT sẽ tập trung vào định hướng:

1. Duy trì tăng trưởng thị trường Nội địa và đẩy mạnh thị trường Xuất khẩu.

Đầu tư mũi nhọn vào các hoạt động Marketing của 2 thị trường:

- Chăm sóc thật tốt các khách hàng truyền thống, tăng cường hiệu quả của việc tham dự hội chợ trong nước và Quốc tế.
- Quảng cáo thông minh trên báo đài, internet... để tăng hiệu quả hình ảnh. Tiết kiệm chi phí trong thời điểm bùng nổ thông tin trên internet.
- Tiếp tục khai thác các khách hàng dự án, khách hàng mới.

Xây dựng và sử dụng lực lượng nhân sự hợp lý:

- Huy động sức sáng tạo, sự đóng góp của toàn bộ đội ngũ CB-CNV, duy trì lành mạnh trung thực trong giao dịch với các nhà cung cấp, các đối tác và với khách hàng, ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại.
- Bổ sung các vị trí quản lý còn trống, đào tạo đội ngũ cán bộ dự phòng cho các vị trí quản lý nòng cốt để tạo nên giá trị ổn định nhất.

2. Phát triển thêm dòng sản phẩm

Phát triển thêm dòng sản phẩm cũng như thay đổi công nghệ để tạo sự khác biệt cho các dòng sản phẩm hiện có. Nâng cấp đội ngũ thiết kế, tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

3. Đảm bảo hiệu quả sản xuất với chi phí thấp nhất.

BĐH sẽ theo dõi sát thị trường gỗ nguyên liệu và mua dự trữ ở mức giá hợp lý. Đảm bảo GDT luôn có đủ gỗ để thực hiện các đơn hàng nội địa, xuất khẩu với giá bán phù hợp.

Tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm nguồn nguyên liệu khác thay thế gỗ cao su như: gỗ xoài, gỗ xà cừ, các loại ván ép công nghiệp...với giá rẻ, phù hợp, tránh rủi ro do phụ thuộc vào gỗ cao su. Nhưng vẫn đảm bảo đặc tính an toàn, chất lượng cho sản phẩm.

Tiết giảm chi phí sản xuất trong giai đoạn kinh tế khó khăn, đảm bảo tình trạng tài chính của Công ty luôn lành mạnh, sử dụng vốn vay ở mức thấp và hiệu quả nhất.

4. Mở rộng nhà máy nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

Dự kiến trong năm 2014 sẽ xây dựng mở rộng nhà máy Tân Uyên hiện hữu, chi phí ước tính khoảng 25 tỷ đồng, để đáp ứng nhu cầu gia tăng năng suất và để tổ chức công tác phòng cháy chữa cháy tốt hơn.

Thay mặt Ban điều hành, toàn bộ CB-CNV tôi cam kết sẽ cố gắng hơn nữa để mang lợi ích thiết thực nhất cho toàn thể cho Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng xã hội.

TM. Ban điều hành

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HỒNG THẮNG



## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 - 2014 có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên tham gia quản lý tại Công ty và 2 thành viên độc lập. Điều này giúp các hoạt động của BKS mang tính khách quan và trung thực.

### 1 Bà Nguyễn Kim Chinh

Trưởng Ban



Sinh năm : 06/04/1968  
 Trình độ : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tài chính Kế toán  
 Từ T4/ 2013 đến nay là Trưởng Ban kiểm soát công ty CP gỗ Đức Thành. Từ 2004 đến nay, Bà là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần ĐT & XD công trình 3 kiêm Kế toán trưởng  
 2003 - 2004 : Trưởng phòng tài chính Công ty cổ phần ĐT & XD công trình 3  
 1998 - 2003 : Phó phòng tài chính Công ty cổ phần ĐT & XD công trình 3  
 1992 - 1998 : Thủ quỹ Công ty cổ phần ĐT & XD công trình 3

### Bà Nguyễn Thị Hương Huyền 2

Thành viên

Sinh năm : 31/01/1972  
 Trình độ : Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế, TP.HCM  
 T4/2012 đến nay là thành viên BKS Công ty CP gỗ Đức Thành  
 2010 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Liên Á Quốc Tế  
 2005 - 2010 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty gỗ Đức Thành  
 1994 - 2005 : Kế toán tổng hợp kiêm Trưởng ban kế toán Công ty Liên Doanh Hoa Việt



### 3 Bà Trương Thị Bình

Thành viên



Sinh năm : 11/4/1971  
 Trình độ : Cử nhân ngoại ngữ trường Đại học ngoại ngữ T4/2012 đến nay là thành viên Ban kiểm soát công ty CP gỗ Đức Thành  
 11/2011 - nay : Trưởng phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành  
 2009 - 11/2011 : Phó phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành  
 1996 - 2009 : Nhân viên kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành

Kính thưa Quý cổ đông,

Ban kiểm soát ("BKS") Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành ("GDT") xin báo cáo về các mặt hoạt động của BKS trong năm 2013 và phương hướng năm 2014 như sau:

## I. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2013

### 1. Cơ cấu tổ chức

- Tháng 12/2012, Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc -Trưởng BKS đã có đơn xin từ nhiệm theo lộ trình thoái vốn của Quỹ đầu tư BankInvest và tại Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") ngày 13/04/2013 đã nhất trí bầu Bà Nguyễn Kim Chinh giữ chức vụ Trưởng BKS.

- Năm 2013 gồm 03 thành viên:

- |                              |                  |
|------------------------------|------------------|
| 1. Bà Nguyễn Kim Chinh       | : Trưởng BKS     |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hương Huyền | : Thành viên BKS |
| 3. Bà Trương Thị Bình        | : Thành viên BKS |

### 2. Hoạt động của BKS

- BKS đã tiến hành họp định kỳ đầy đủ 4 quý và thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát phần lớn các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban điều hành ("BDH") trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ GDT và các yêu cầu của chủ sở hữu. Nội dung gồm:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên BKS thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước, điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị của GDT, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Cử đại diện tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, BDH và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS.
- Thẩm định, góp ý cho các báo cáo tài chính tháng, quý năm 2013. Hỗ trợ phòng kế toán hoàn thiện hồ sơ tính giá thành hàng tháng để Tổng Giám đốc có cơ sở quyết định điều chỉnh giá kế hoạch để phòng kinh doanh đưa báo giá hợp lý và chính xác cho khách hàng.
- Kiểm tra đảm bảo tài liệu họp HĐQT đầy đủ và gửi các thành viên HĐQT đúng hạn.
- Lựa chọn kịp thời, đảm bảo tính độc lập và tin cậy của kiểm toán độc lập cho năm 2013. Làm việc, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của BDH.
- Ngoài ra, BKS thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của GDT. Tham gia đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ.

### 3. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2013, GDT đã thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao và kiện toàn phương thức quản lý tài chính: xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ gồm quy chế tài chính, quy chế lương, tiêu chí thưởng vượt kế hoạch.



- Qua thẩm định, BKS thống nhất với nội dung:
  - Báo cáo tài chính năm 2013 đã được BDH, phòng Kế toán lập và được Công ty TNHH Ernst and Young kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực tình hình tài chính đến thời điểm ngày 31/12/2013. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.
  - Việc ghi chép, mở sổ kế toán theo chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành, không có sai sót lớn.
  - GDT đã thực hiện các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2013 đề ra như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH
1	Tổng doanh thu	243,625	237,366	97,43 %
1.1	Doanh thu xuất khẩu	196,075	188,393	96,08%
1.2	Doanh thu nội địa	47,000	48,289	102,74%
1.3	Doanh thu cho thuê xưởng	0,550	0,683	124,18%
2	Tổng chi phí	194,103	185,658	95,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	49,522	51,708	104,41%
4	Lợi nhuận sau thuế	37,142	36,363	97,90%

#### 4. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT

- Công ty GDT đã:
  - *Duy trì hiệu quả kinh doanh cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật.* Đây là nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn chung toàn cầu và là cơ sở pháp lý rất nghiêm ngặt của công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).
  - *Tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.* Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.
  - *Đề ra phương pháp quản lý các bộ phận theo ngân sách đạt kết quả tốt, kể cả các quy định về quản lý tài chính trong Công ty.*
- Tất cả các nghị quyết của ĐHĐCĐ đều được HĐQT triển khai chi tiết trong các kỳ họp, tiến hành kiểm tra, kiểm điểm định kỳ về tình hình thực hiện và đánh giá hiệu quả việc thực hiện để đưa ra hướng điều chỉnh phù hợp.

#### 5. Công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BDH và thực hiện quy chế quản trị nội bộ.

##### 5.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã triển khai, bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ, thảo luận và quyết nghị kịp thời những vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và chế độ chính sách đối với người lao động.

- *BKS nhận định:* Số phiên họp và các Nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ GDT.

##### 5.2 Ban điều hành

- Ban điều hành đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của GDT theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ công ty. Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để mang lại hiệu quả đáng ghi nhận trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 104% so với kế hoạch cả năm, tăng 9,8% so với năm 2012.
- *BKS nhận định:* Nội dung chỉ đạo điều hành của BDH GDT tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT. Các quyết định của BDH phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của điều lệ GDT và pháp luật hiện hành.

##### 5.3 Giám sát thực hiện quy chế quản trị nội bộ

- Các thành viên BKS thường xuyên trao đổi với BDH, bộ phận tài chính thực hiện các chức năng kiểm soát. BKS đánh giá cao GDT vì đã luôn tăng cường kiểm tra giám sát, quyết đoán trong xử lý sai phạm, tăng cường đội ngũ cán bộ có tay nghề cao, đạo đức tốt, tuân thủ các quy định Công ty, tích cực giảm thiểu chi phí, luôn giữ được tỷ suất lợi nhuận cao.
- Năm 2013 là năm hoạt động còn nhiều khó khăn nhưng các hoạt động chung vẫn duy trì ở mức tốt, đồng thời BDH còn chăm lo rất nhiều cho đời sống CB-CNV.
- Ban điều hành và các phòng ban liên quan đã tổ chức việc rà soát công tác kiểm kê, tăng cường giám sát khâu xử lý số liệu sau kiểm kê, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, tránh ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- BKS chưa phát hiện trường hợp các thành viên HĐQT, BDH và cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty.

##### 5.4 Trình độ, khả năng và mức độ độc lập của công ty kiểm toán.

- Năm 2013, GDT đã chọn Công ty TNHH Ernst and Young là đơn vị kiểm toán quốc tế chuyên nghiệp, thực hiện kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính GDT theo các chuẩn mực của kế toán hiện hành.

#### 6. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BDH và các cổ đông

- BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định từ HĐQT, BDH và các phòng ban nghiệp vụ. BKS đã cùng với HĐQT, BDH phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của GDT trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi tham gia góp ý nhằm đảm bảo hoạt động của GDT phù hợp với điều lệ, các quy chế nội bộ, các quy định của pháp luật có liên quan.
- Một số các vấn đề BKS lưu ý trong quá trình kiểm soát đã được GDT từng bước khắc phục và cải thiện tốt.
- BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ các cổ đông.

#### II. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT.

- BKS xác nhận tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013 của GDT đạt kết quả tốt đẹp, hoàn thành được nhiệm vụ ĐHĐCĐ năm tài chính 2013 giao phó.
- BKS cũng trân trọng cảm ơn HĐQT, BDH và các phòng ban GDT đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm qua.



### III. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

- Năm 2014, BKS tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chính sau:
  - Giám sát việc quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh... phải tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
  - Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm 2014 và các chính sách quan trọng về tài chính kế toán.
  - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán. Thảo luận những khó khăn và tồn tại từ các kết quả kiểm toán cũng như các sự việc mà kiểm toán viên độc lập muốn trao đổi.
  - Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT cho các cuộc họp HĐQT.
  - Tham gia các cuộc họp của HĐQT do GDT tổ chức.

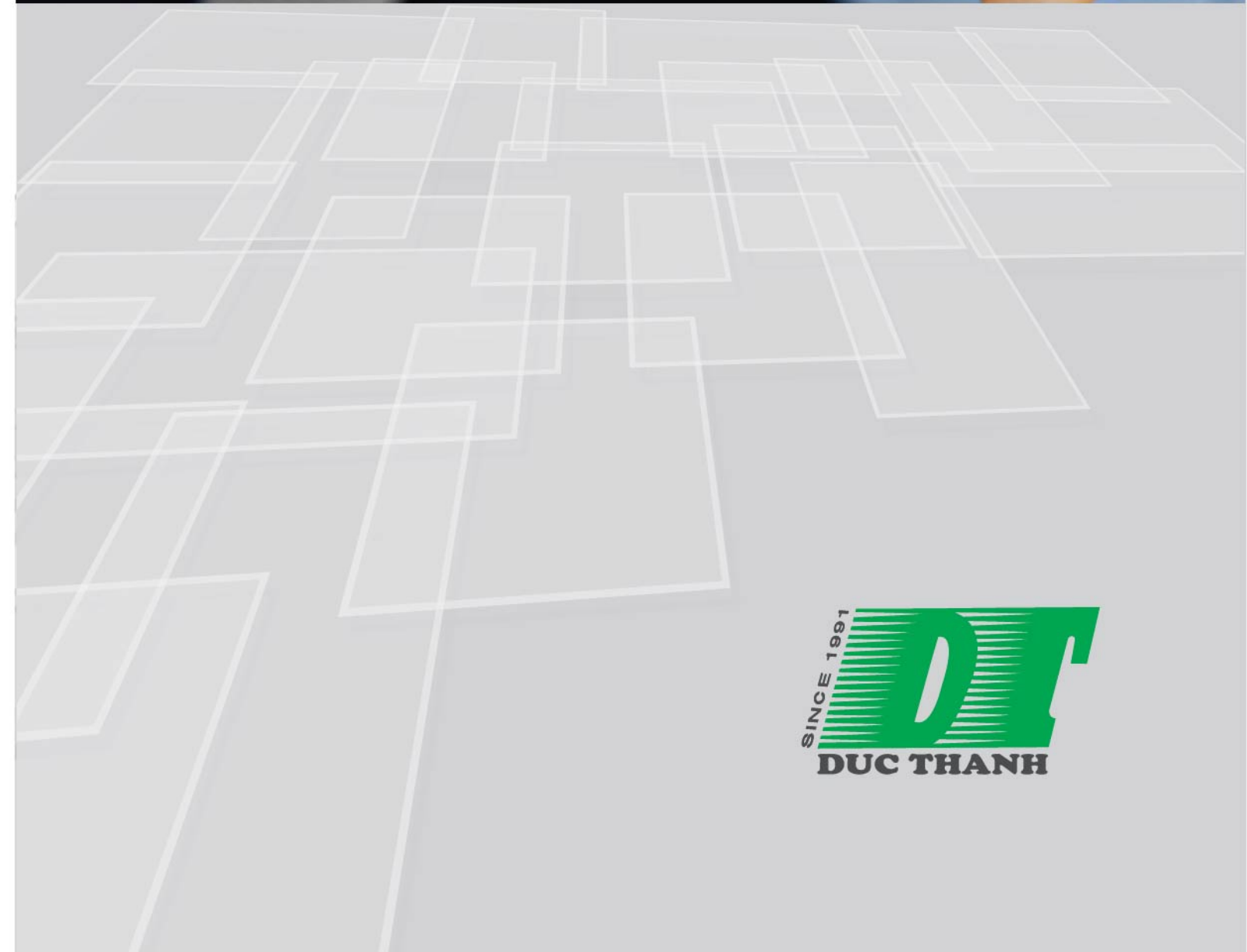
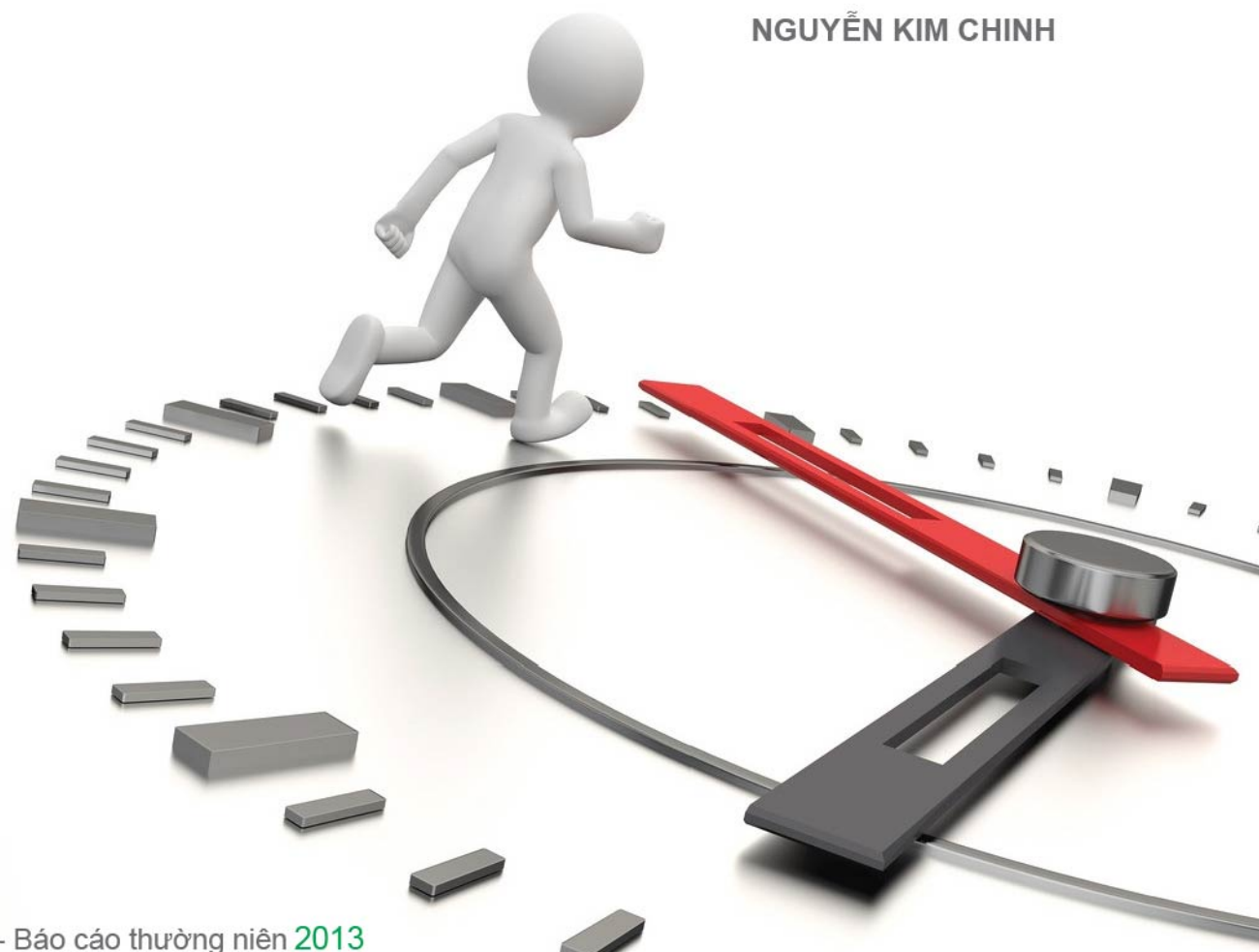
Với những nền tảng đã có, BKS hy vọng năm 2014 Công ty GDT sẽ tiếp tục phát huy khả năng, gặt hái nhiều thành công hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ đề ra.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. Ban Kiểm Soát



NGUYỄN KIM CHINH





• **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty ngày 19 tháng 3 năm 2014**

Tên cổ đông	Số CMND/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỉ lệ (%)
1 Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	1/101 Hà Huy Tập, P. Tân Phong, PMH, Q.7, TP.HCM	1.763.429	17,00%
2 Quỹ MUTUAL FUND ELITE	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland.	1.035.000	9,98%
3 Bà Hà Thị Huệ	020 343 493	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM	1.110.600	10,71%
4 Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM	810.000	7,81%
5 Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM	786.660	7,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.505.689</b>	<b>53,08%</b>

• **Tỉ lệ sở hữu của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Ban điều hành tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2014**

STT	Tên	Số CMND	Chức danh	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
<b>I Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành</b>					
1	Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	Chủ tịch HĐQT	1.763.429	17,00%
2	Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	Phó chủ tịch kiêm TGD	810.000	7,81%
3	Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	786.660	7,58%
4	Ông Nguyễn Công Hiếu	020 343 136	Thành viên HĐQT	5.000	0,05%
5	Ông Trần Xuân Nam	021 838 536	Thành viên HĐQT	-	-
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	024 183 985	Giám đốc hành chánh nhân sự	9.800	0,09%
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.374.889</b>	<b>32,54%</b>
<b>II Ban Kiểm Soát</b>					
1	Bà Nguyễn Kim Chinh	024 304 528	Trưởng BKS	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	022 824 240	Thành viên BKS	5.200	0,05%
3	Bà Trương Thị Bình	024 559 087	Thành viên BKS	880	0,01%
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>6.080</b>	<b>0,06%</b>

• **Giao dịch của cổ đông nội bộ**

Có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ diễn ra trong năm 2013

**Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2014**

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông nội bộ</b>						
Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành	3.374.889	32,54%	-	-	3.374.889	32,54%
Ban kiểm soát	6.080	0,06%	-	-	6.080	0,06%
Các cổ đông khác trong công ty	411.800	3,97%	-	-	411.800	3,97%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng cổ đông nội bộ</b>	<b>3.792.769</b>	<b>36,57%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.792.769</b>	<b>36,57%</b>
<b>Cổ đông ngoài công ty</b>						
Cá nhân	4.300.436	41,46%	600.160	5,79%	4.900.596	47,25%
Tổ chức	95.210	0,92%	1.583.790	15,27%	1.679.000	16,19%
<b>Tổng cộng cổ đông ngoài</b>	<b>4.395.646</b>	<b>42,38%</b>	<b>2.183.950</b>	<b>21,06%</b>	<b>6.579.596</b>	<b>63,43%</b>
<b>Tổng cộng toàn công ty</b>	<b>8.188.415</b>	<b>78,94%</b>	<b>2.183.950</b>	<b>21,06%</b>	<b>10.372.365</b>	<b>100,00%</b>







BÁO CÁO KIỂM TOÁN



**THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY**

*Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:*

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ 1	ngày 8 tháng 8 năm 2000
Điều chỉnh lần thứ 2	ngày 1 tháng 7 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ 3	ngày 9 tháng 12 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ 4	ngày 17 tháng 1 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ 5	ngày 30 tháng 7 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ 6	ngày 3 tháng 3 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ 7	ngày 9 tháng 6 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 8	ngày 27 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 9	ngày 13 tháng 10 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 10	ngày 11 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 11	ngày 30 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ 12	ngày 17 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ 13	ngày 3 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ 14	ngày 9 tháng 1 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ 15	ngày 13 tháng 1 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 16	ngày 24 tháng 4 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 17	ngày 1 tháng 7 năm 2013

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất các đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cò, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty cũng có một (1) nhà máy tại Khu 9, Ấp Tân Hội, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; và hai (2) phòng trưng bày tại số 172 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 21 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:**

Bà Lê Hải Liễu	Chủ tịch	
Ông Lê Hồng Thắng	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Hans Christian Jacobsen	Phó chủ tịch	từ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Hồng Thành	Thành viên	
Ông Trần Xuân Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Kim Chuyên	Thành viên	từ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013

**BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:**

Bà Nguyễn Kim Chinh	Trưởng Ban kiểm soát	bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Bà Trương Nữ Minh Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	từ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Thành viên	
Bà Trương Thị Bình	Thành viên	

**BAN GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:**

Ông Lê Hồng Thắng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 1 năm 2013
Bà Lê Hải Liễu	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 24 tháng 1 năm 2013
Ông Lê Hồng Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc nhân sự	

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Thắng, Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Lê Hồng Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 61001277/16384148

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



**Ernest Yoong Chin Kang**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1891-2013-004-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

**Lê Vũ Trường**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1588-2013-004-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-DN

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>187.585.196.741</b>	<b>171.402.494.751</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.499.241.715</b>	<b>34.976.093.331</b>
111	1. Tiền		999.241.715	1.576.093.331
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	33.400.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>47.900.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		91.000.000.000	47.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.927.946.657</b>	<b>22.586.275.781</b>
131	1. Phải thu khách hàng		20.993.457.039	20.675.506.279
132	2. Trả trước cho người bán		3.164.875.217	1.465.115.479
135	3. Các khoản phải thu khác		1.769.614.401	445.654.023
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>64.376.013.886</b>	<b>61.736.293.239</b>
141	1. Hàng tồn kho		66.857.316.387	62.736.293.239
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.481.302.501)	(1.000.000.000)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.781.994.483</b>	<b>4.203.832.400</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		445.239.520	559.730.450
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.773.888.386	1.958.804.710
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		562.866.577	1.685.297.240
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>76.181.328.670</b>	<b>85.693.177.552</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>48.616.794.778</b>	<b>55.886.231.165</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	30.215.414.183	33.749.855.430
222	Nguyên giá		69.526.949.800	71.424.160.846
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(39.311.535.617)	(37.674.305.416)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>8</b>	12.474.610.003	12.727.872.823
228	Nguyên giá		15.019.114.013	15.084.334.013
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(2.544.504.010)	(2.356.461.190)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>9</b>	5.926.770.592	9.408.502.912
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.564.533.892</b>	<b>29.806.946.387</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>10</b>	26.766.641.526	27.856.083.680
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		527.892.366	1.680.862.707
268	3. Tài sản dài hạn khác	<b>20.3</b>	270.000.000	270.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>263.766.525.411</b>	<b>257.095.672.303</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-DN

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>88.999.891.397</b>	<b>96.386.171.709</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>86.276.426.397</b>	<b>92.963.476.709</b>
311	1. Vay ngắn hạn	<b>11</b>	37.205.114.839	53.732.904.022
312	2. Phải trả người bán		9.769.895.826	9.913.495.842
313	3. Người mua trả tiền trước		3.692.211.107	2.615.435.816
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<b>12</b>	9.687.444.780	5.634.079.195
315	5. Phải trả người lao động		4.824.414.000	3.450.345.000
316	6. Chi phí phải trả	<b>13</b>	18.165.144.133	12.575.178.280
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		455.849.966	1.695.075.564
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.476.351.746	3.346.962.990
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.723.465.000</b>	<b>3.422.695.000</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		2.723.465.000	2.422.695.000
339	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>174.766.634.014</b>	<b>160.709.500.594</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>174.766.634.014</b>	<b>160.709.500.594</b>
411	1. Vốn cổ phần		103.723.650.000	103.723.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.856.593.370	2.856.593.370
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.688.104.867	9.688.104.867
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.981.235.647	8.981.235.647
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		49.517.050.130	35.459.916.710
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>263.766.525.411</b>	<b>257.095.672.303</b>

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$)	33.202	27.590

  
Trần Nguyễn Việt Trung  
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

  
Bùi Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Lê Hồng Thắng  
Tổng Giám đốc





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	238.360.193.177	231.931.578.511
02	2. Các khoản giảm trừ	16.1	(993.263.788)	(648.068.973)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	237.366.929.389	231.283.509.538
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(156.792.641.530)	(162.021.118.345)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.574.287.859	69.262.391.193
21	6. Doanh thu tài chính	16.2	6.733.271.541	7.067.983.362
22	7. Chi phí tài chính	17	(2.210.703.635)	(1.884.623.178)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(1.101.597.106)	(1.534.488.869)
24	8. Chi phí bán hàng	19	(13.829.152.229)	(13.491.877.568)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(20.487.138.317)	(15.024.091.923)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.780.565.219	45.929.781.886
31	11. Thu nhập khác	18	2.708.583.135	1.248.194.533
32	12. Chi phí khác	18	(1.780.753.651)	(101.100.584)
40	13. Lợi nhuận khác	18	927.829.484	1.147.093.949
50	14. Lợi nhuận trước thuế		51.708.394.703	47.076.875.835
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(14.191.657.228)	(9.648.882.940)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.1	(1.152.970.341)	874.870.319
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		36.363.767.134	38.302.863.214
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	15	3.506	3.693

  
Trần Nguyễn Việt Trung  
Người lập

  
Bùi Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Lê Hồng Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>51.708.394.703</b>	<b>47.076.875.835</b>
	Lợi nhuận trước thuế			
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	7, 8	5.701.863.486	4.582.971.353
03	Dự phòng		1.481.302.501	(3.400.000.000)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16.2	(178.712.130)	(228.877.931)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.734.219.479)	(6.068.481.244)
06	Chi phí lãi vay	17	1.101.597.106	1.534.488.869
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>54.080.226.187</b>	<b>43.496.976.882</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(957.846.188)	(5.621.493.859)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.541.733.647)	671.707.806
11	Tăng các khoản phải trả		6.110.521.662	2.966.349.735
12	Giảm chi phí trả trước		1.457.195.904	1.650.178.886
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.115.009.459)	(1.480.435.290)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(10.390.440.445)	(6.195.381.761)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		116.719.000	110.852.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.517.320.000)	(4.893.178.635)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>43.242.313.014</b>	<b>30.705.575.764</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.410.193.573)	(4.494.104.783)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18	1.304.053.046	40.454.545
23	Tiền gửi ngân hàng		43.100.000.000	47.900.000.000
27	Lãi tiền gửi đã nhận		4.619.949.633	5.924.000.973
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.586.190.894)</b>	<b>(46.429.649.265)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>II. III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay đã nhận		99.181.288.283	117.207.415.387
34	Tiền chi trả nợ vay		(115.705.462.340)	(75.012.187.681)
36	Cổ tức đã trả		(18.665.798.400)	(31.110.165.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(35.189.972.457)	11.085.062.706
50	Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(31.533.850.337)	(4.639.010.795)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	34.976.093.331	39.610.796.496
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		56.998.721	4.307.630
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	3.499.241.715	34.976.093.331



**Trần Nguyễn Việt Trung**  
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



**Bùi Phương Thảo**  
Kế toán trưởng



**Lê Hồng Thắng**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh

Ngày

Điều chỉnh lần thứ 1	ngày 8 tháng 8 năm 2000
Điều chỉnh lần thứ 2	ngày 1 tháng 7 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ 3	ngày 9 tháng 12 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ 4	ngày 17 tháng 1 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ 5	ngày 30 tháng 7 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ 6	ngày 3 tháng 3 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ 7	ngày 9 tháng 6 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 8	ngày 27 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 9	ngày 13 tháng 10 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 10	ngày 11 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ 11	ngày 30 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ 12	ngày 17 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ 13	ngày 3 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ 14	ngày 9 tháng 1 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ 15	ngày 13 tháng 1 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 16	ngày 24 tháng 4 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 17	ngày 1 tháng 7 năm 2013

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất các đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty cũng có một (1) nhà máy tại Khu 9, Ấp Tân Hội, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; và hai (2) phòng trưng bày tại số 172 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 21 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.021 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 982).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);



- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

## 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

# 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty, dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## 3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ hao mòn theo thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn không được phân bổ hao mòn.

## 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật dụng kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 9 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	40 - 46 năm
Phần mềm kế toán	3 - 5 năm



### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước cũng bao gồm chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Khoản phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê là 55 năm.

### 3.9 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ, như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế, trước khi trích lập các quỹ, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

#### Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

#### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ.

#### Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.15 Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng và các khoản lỗ tính thuế, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các ưu đãi thuế chưa sử dụng và các khoản lỗ tính thuế này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### **3.16 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu và lợi nhuận cho Công ty chủ yếu từ hoạt động sản xuất và bán các sản phẩm đồ gỗ và Công ty không có hoạt động sản xuất và/hoặc bán trực tiếp các sản phẩm đồ gỗ bên ngoài Việt Nam, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của toàn Công ty, do vậy Ban Giám đốc Công ty giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán sản phẩm đồ gỗ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

### **3.17 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và các khoản vay.

#### *Công cụ tài chính – giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn trong Thông tư 210 về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	99.601.972	249.849.939
Tiền gửi ngân hàng	899.639.743	1.326.243.392
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	33.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.499.241.715</b>	<b>34.976.093.331</b>



Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng với lãi suất 7,0%/năm.

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hơn ba tháng với lãi suất từ 6,8%/năm đến 9,0%/năm.

Khoản đầu tư ngắn hạn trị giá 3.500.000.000 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11). Khoản thế chấp này sẽ được giải chấp khi Công ty trả nợ vay.

## 6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	45.509.488.846	46.378.664.784
Thành phẩm	12.532.851.256	11.637.493.806
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.893.506.046	3.748.620.683
Công cụ, dụng cụ	2.921.470.239	532.112.589
Hàng gửi đi bán	-	439.401.377
	<b>66.857.316.387</b>	<b>62.736.293.239</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.481.302.501)	(1.000.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>64.376.013.886</b>	<b>61.736.293.239</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.000.000.000)	(4.400.000.000)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.970.715.501)	(1.000.000.000)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng trong năm	489.413.000	4.400.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.481.302.501)</b>	<b>(1.000.000.000)</b>

	VNĐ	
	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:		
Số đầu năm	2.084.448.546	71.424.160.846
Mua mới trong năm	-	2.493.684.818
Phân loại lại	(27.470.400)	-
Thanh lý	(13.000.000)	(932.428.383)
Giảm khác (*)	(826.843.179)	(3.458.467.481)
Số đầu năm	1.217.134.967	69.526.949.800
Trong đó:		
Đã khấu hao hết	1.747.757.904	17.117.269.895
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm	(1.831.510.624)	(37.674.305.416)
Khấu hao trong năm	(119.318.115)	(5.448.600.666)
Phân loại lại	(17.550.541)	-
Thanh lý	12.236.934	575.777.053
Giảm khác (*)	812.122.130	3.235.593.412
Số cuối năm	(1.144.020.216)	(39.311.535.617)
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm	252.937.922	33.749.855.430
Số cuối năm	73.114.751	30.215.414.183
Trong đó:		
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11)	-	17.651.693.922

(\*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại những tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") sang chi phí trả trước dài hạn.



## 8. TÀI SẢN VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	14.917.549.433	166.784.580	15.084.334.013
Giảm khác (*)	-	(65.220.000)	(65.220.000)
Số cuối năm	14.917.549.433	101.564.580	15.019.114.013
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	-	101.564.580	101.564.580
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(2.189.676.610)	(166.784.580)	(2.356.461.190)
Khấu trừ trong năm	(253.262.820)	-	(253.262.820)
Giảm khác (*)	-	65.220.000	65.220.000
Số cuối năm	(2.442.939.430)	(101.564.580)	(2.544.504.010)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	12.727.872.823	-	12.727.872.823
Số cuối năm	12.474.610.003	-	12.474.610.003
<b>Trong đó:</b>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11)	6.249.999.990	-	6.249.999.990

(\*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại những tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mở rộng nhà máy tại Khu 9, Ấp Tân Hội, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Mỹ Phước	24.242.787.401	24.828.176.045
Quyền sử dụng đất	1.215.047.113	1.243.304.017
Khác	1.308.807.012	1.784.603.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.766.641.526</b>	<b>27.856.083.680</b>

## 11. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	37.205.114.839	53.732.904.022

Công ty đã ký thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Sở giao dịch số 1, Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng các khoản hạn mức thấu chi trị giá tương ứng lần lượt là 3.000.000 Đô la Mỹ, 2.000.000 Đô la Mỹ và 50.000.000.000 Việt Nam Đồng. Công ty sử dụng tiền vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Nguyên tệ US\$	Thời hạn vay và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Sở giao dịch số 1	13.065.615.440	619.664	6 tháng và từ ngày 26 tháng 3 năm 2014 đến ngày 5 tháng 5 năm 2014	3,3	Tín chấp
Ngân hàng Commonwealth - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	21.129.109.820	1.002.092	6 tháng và từ ngày 14 tháng 2 năm 2014 đến ngày 5 tháng 8 năm 2014	2,7	Nhà cửa, vật kiến trúc (Thuyết minh số 7) và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.010.389.579	142.774	4 tháng và vào ngày 28 tháng 4 năm 2014	2,8	Các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.205.114.839</b>	<b>1.764.530</b>			

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20.2)	9.198.995.761	5.397.778.978
Thuế thu nhập cá nhân	79.160.760	64.009.148
Khác	409.288.259	172.291.069
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.687.444.780</b>	<b>5.634.079.195</b>

## 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng	11.486.809.000	9.552.415.993
Phí thuê đất	5.096.624.473	1.059.058.152
Khác	1.581.710.660	1.963.704.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.165.144.133</b>	<b>12.575.178.280</b>



## 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	103.723.650.000	2.856.593.370	7.772.961.706	7.066.092.486	35.934.721.140	157.354.018.702
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	38.302.863.214	38.302.863.214
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31.117.095.000)	(31.117.095.000)
Phân phối lợi nhuận phúc lợi	-	-	1.915.143.161	1.915.143.161	(3.830.286.322)	-
Số cuối năm	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	35.459.916.710	160.709.500.594
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	35.459.916.710	160.709.500.594
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	36.363.767.134	36.363.767.134
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(18.670.257.000)	(18.670.257.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.636.376.714)	(3.636.376.714)
Số cuối năm	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	49.517.050.130	174.766.634.014

## 14.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và cuối năm	103.723.650.000	103.723.650.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	18.670.257.000	31.117.095.000
Cổ tức đã trả	18.658.868.400	31.110.165.000

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông số 7-13/NQ-ĐT ngày 13 tháng 4 năm 2013, Công ty dự kiến chia cổ tức cho các cổ đông với giá trị 25% mệnh giá cổ phiếu phổ thông với giá trị 25.930.912.500 VNĐ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công ty đã tạm chia cổ tức và chi trả 18% mệnh giá cổ phiếu với giá trị lần lượt là 18.670.257.000 VNĐ và 18.658.868.400 VNĐ.

## 14.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.372.365	10.372.365

## 15. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty (VNĐ)	36.363.767.134	38.302.863.214
Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành (cổ phiếu)	10.372.365	10.372.365
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.506	3.693

## 16. DOANH THU

## 16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>238.360.193.177</b>	<b>231.931.578.511</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	237.676.626.815	231.274.028.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ	683.566.362	657.549.671



Các khoản giảm trừ doanh thu	(993.263.788)	(648.068.973)
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(605.865.548)	(480.780.546)
Chiết khấu thương mại	(387.398.240)	(167.288.427)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>237.366.929.389</b>	<b>231.283.509.538</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	236.683.363.027	230.625.959.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	683.566.362	657.549.671

**16.2 Doanh thu tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.666.998.768	6.427.871.299
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	811.467.427	257.133.169
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	178.712.130	228.877.931
Chiết khấu thanh toán	76.093.216	154.100.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.733.271.541</b>	<b>7.067.983.365</b>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.101.597.106	1.534.488.869
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.108.414.229	348.419.309
Chiết khấu thanh toán	692.300	1.715.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.210.703.635</b>	<b>1.884.623.178</b>

**18. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	1.304.053.046	40.454.545
Thu từ bán phế liệu	1.170.752.953	1.123.334.363
Khác	233.777.136	84.405.625
	<b>2.708.583.135</b>	<b>1.248.194.533</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	(1.236.832.335)	(68.453.044)
Khác	(543.921.316)	(32.647.540)
	<b>(1.780.753.651)</b>	<b>(101.100.584)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>927.829.484</b>	<b>1.147.093.949</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.940.492.651	117.919.455.574
Chi phí nhân công	54.459.616.449	48.027.548.635
Chi phí khấu hao và khấu trừ		
Thuyết minh số 7 và 8)	5.701.863.486	4.582.971.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.012.805.777	7.217.317.400
Chi phí khác	14.994.153.713	12.789.794.874
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>191.108.932.076</b>	<b>190.537.087.836</b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 140/2012/TT - BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 21 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn giảm thuế TNDN, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải trả cho năm tài chính 2012.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**20.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.191.657.228	9.648.882.940
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	1.152.970.341	(874.870.319)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.344.627.569</b>	<b>8.774.012.621</b>

**20.2 Chi phí thuế TNDN**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>51.708.394.703</b>	<b>47.076.875.835</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</b>		
Chi phí không được khấu trừ	662.637.329	935.597.185
Chi phí trích trước	(122.000.000)	1.203.058.152
Trợ cấp thôi việc phải trả	278.250.000	981.148.477
Khác	5.037.494.473	1.436.893.468
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(47.400.935)	(65.207.803)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>57.517.375.570</b>	<b>51.568.365.314</b>



Thuế TNDN hiện hành ước tính	14.379.343.893	12.892.091.329
Chi phí không được khấu trừ	-	(3.179.408.389)
Chi phí trích trước	(72.600.000)	(63.800.000)
Trợ cấp thôi việc phải trả	(115.086.665)	-
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính sau khi giảm trừ</b>	<b>14.191.657.228</b>	<b>9.648.882.940</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.397.778.978	1.944.277.799
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.390.440.445)	(6.195.381.761)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>9.198.995.761</b>	<b>5.397.778.978</b>

### 20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (thuế thu nhập hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Trợ cấp thôi việc phải trả	554.031.500	560.018.750	(5.987.250)	245.287.119
Chi phí trích trước	4.840.000	300.764.538	(295.924.538)	300.764.538
Khác	-	843.432.747	(843.432.747)	359.223.367
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(30.979.134)	(23.353.328)	(7.625.806)	(30.404.705)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>527.892.366</b>	<b>1.680.862.707</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(1.152.970.341)</b>	<b>874.870.319</b>

## 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.269.965.000	1.888.558.000

## 22. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.136.985.880	2.324.998.389
Từ 1 đến 5 năm	4.941.943.519	5.375.065.555
Trên 5 năm	35.662.935.589	36.189.375.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.741.864.988</b>	<b>43.889.438.967</b>

## 23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, và tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và các khoản tiền gửi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền vay có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất thả nổi của các khoản vay có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

(VNĐ)

Cho năm tài chính kết thúc	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	+170 -170	(632.486.952) 632.486.952
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	+135 -135	(726.993.979) 726.993.979

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị hợp lý hay dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính thay đổi do sự thay đổi của tỷ giá ngoại tệ giao dịch. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.



Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện bán hàng hóa và vay bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch bán hàng hóa và vay trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

#### *Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá US\$. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

<i>Cho năm tài chính kết thúc</i>	<i>Thay đổi tỷ giá US\$ (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VNĐ)</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
USD	+2,00	(508.638.515)
USD	-2,00	508.638.515
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
USD	+0,55	(217.284.016)
USD	-0,55	217.284.015

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng trước khi giao hàng được áp dụng đối với các khách hàng lớn. Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và số 5. Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay ngắn hạn	37.205.114.839	-	37.205.114.839
Phải trả người bán	9.769.895.826	-	9.769.895.826
Chi phí phải trả và phải trả khác	18.620.994.099	205.140.000	18.826.134.099
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.596.004.764</b>	<b>205.140.000</b>	<b>65.801.144.764</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay ngắn hạn	53.732.904.022	-	53.732.904.022
Phải trả người bán	9.913.495.842	-	9.913.495.842
Chi phí phải trả và phải trả khác	3.630.881.851	182.620.000	3.813.501.851
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.277.281.715</b>	<b>182.620.000</b>	<b>67.459.901.715</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty đã sử dụng một phần các khoản đầu tư ngắn hạn, nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận chuyển và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11). Các ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền gửi ngân hàng	91.000.000.000	47.900.000.000	91.000.000.000	47.900.000.000	
Phải thu khách hàng	20.993.457.039	20.675.506.279	20.993.457.039	20.675.506.279	
Phải thu khác	1.769.614.401	445.654.023	1.769.614.401	445.654.023	
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	270.000.000	270.000.000	270.000.000	270.000.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.499.241.715	34.976.093.331	3.499.241.715	34.976.093.331	
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.532.313.155</b>	<b>104.267.253.633</b>	<b>117.532.313.155</b>	<b>104.267.253.633</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay ngắn hạn	37.205.114.839	53.732.904.022	37.205.114.839	53.732.904.022	
Phải trả người bán	9.769.895.826	9.913.495.842	9.769.895.826	9.913.495.842	
Phải trả khác	7.339.325.099	3.813.501.851	7.339.325.099	3.813.501.851	
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.314.335.764</b>	<b>67.459.901.715</b>	<b>54.314.335.764</b>	<b>67.459.901.715</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Trần Nguyễn Việt Trung**  
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



**Bùi Phương Thảo**  
Kế toán trưởng



**Lê Hồng Thắng**  
Tổng Giám đốc





## DUC THANH'S BRANDS



“Home paradise”



“Learning and playing together”

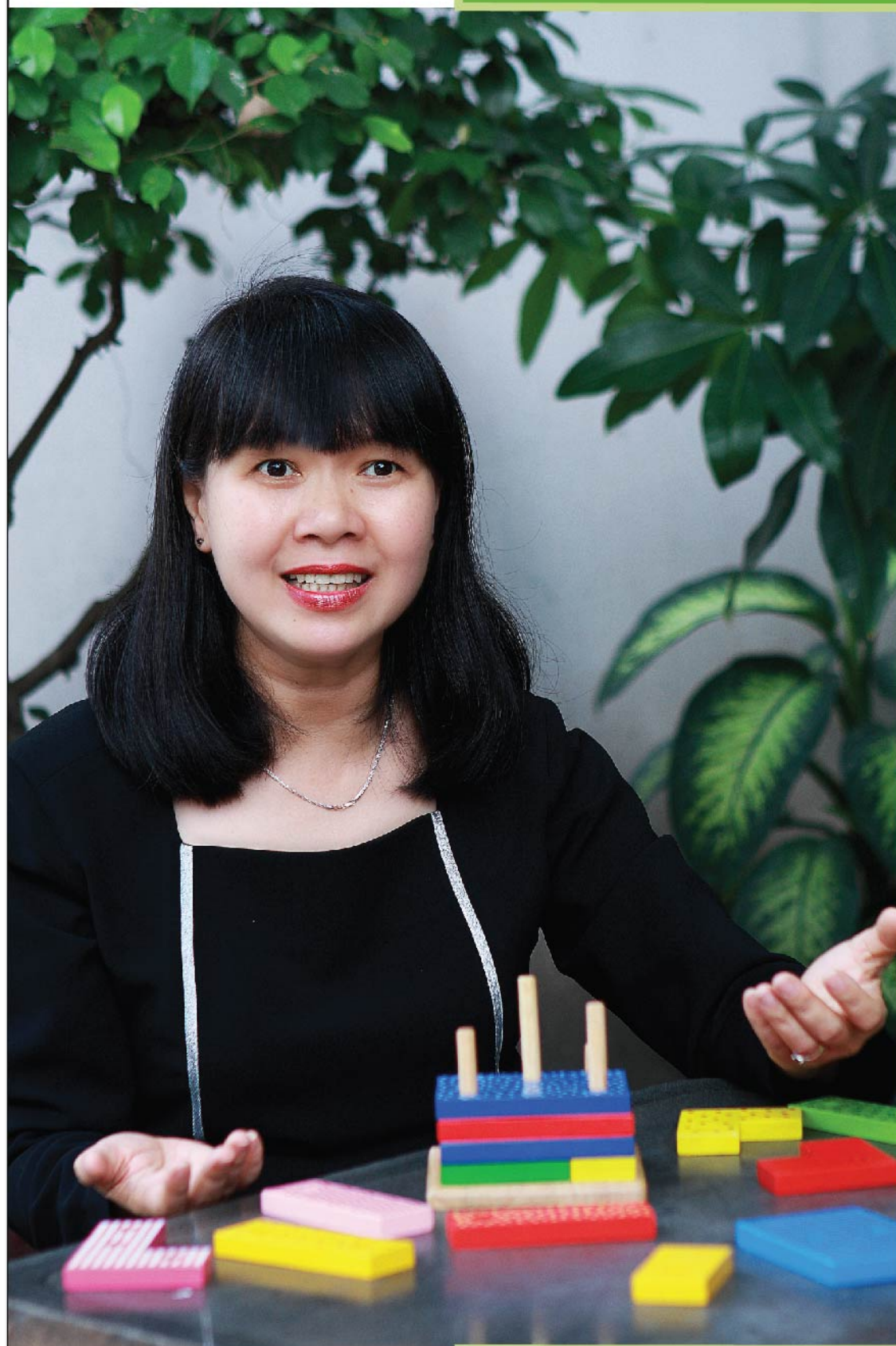
**DT** DUC THANH WOOD  
PROCESSING JSC  
www.goducthanh.com • Symbol: GDT



**Annual Report**  
**2013**



## CHAIRPERSON'S STATEMENT



**VIRTUOUSNESS** is the key to  
**SUCCESS**

### Dear Shareholders,

After its establishment, Duc Thanh Wood Company has developed for more than two decades. Although it was not such a long time, Duc Thanh successfully proved its stable and sustainable presence and development in wood processing industry. Our guideline which is "Improving management is improving quality. Keeping prestige is keeping customers' loyalty" has been preserved right from the beginning. It helps us to overcome all of the ups and downs during our expedition...

Ladies and Gentlemen!

The global economic situation in 2013 has some slight signs of recovery, but in some developed countries, there was slow advancement, high rate of unemployment, low demand, numerous sovereign debt... In Vietnam, there were optimistic changes at the end of the year, but the difficulties were still existing with big-volume inventory, frozen real estate market, decrease in stock market, bad liquidity..., which put a big pressure on the local businesses. These adversities caused a lot of liquidation, operational contraction, high rate of unemployment and low demand.

Apart from the others, owing to our long-term experience and prediction about the complexity of the market, Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company stored cheap materials, raised salary to attract skillful workers, controlled manufacturing process tightly to economize all expenses so as to limit price increases and share difficulties with customers... Consequently, at the end of 2013, we are excited about our encouraging revenues and profits...

I am proud and happy to announce our revenue of 237 billion VND. Although our revenue only increases by 2.6% compared to that of previous year which takes up 97% against the target, the efforts of every person of the company is still highly appreciated because we are still growing while the others are sliding down. Our profit after tax grows by 9.8% compared to that of last year and achieves 104.4% against the target. This has been an outstanding remark of Duc Thanh Wood so far: **Increased revenues must lead to higher profits**, which proves that our management and policy is effective, and there is no sign of high revenues but low profits.

This is a respectful and noticeable result in the current difficult economic situation. Once again, these achievements demonstrate the right vision and support of the Board of Directors to the Board of Management in giving timely instruction and proper policy together with the Staff's unity, creativity and efforts to complete the mission. Besides, we will never forget our partners, Shareholders and loyal customers who are always on our side over the years.

Stepping into year 2014, many people predict the recovery of both local and international markets, but we think there is possibility of risk and instability. As a result, we need to be ready and well-prepared to re-act to any contingencies. Nevertheless, with our aforementioned long history and potentials, we have a strong belief that we will continue to get good results.

### Dear our Shareholders,

After handing over my power to the young successors, I can truly acknowledge their growing-up, maturity, ability development and adaption to advantages and disadvantages. Basing on our potentials as well as co-operation and support of Board of Directors, the young and energetic Board of Management will continue with their own corporate culture to achieve the outstanding outcome for 2014.

Finally, on the behalf of Duc Thanh Wood Processing JSC's Board of Directors, I would like to send my sincere and profound gratitude to our Shareholders, Customers, partners and all Staff who contributed and went along with us on our path of development over the years. We hope that we will continue to receive your support and trust in the upcoming years and hope that we will have more successful General Meetings of Shareholders with optimistic reports and increased dividends.

On the behalf of Board of Directors

LE HAI LIEU



## MAIN REPORTS

- Board of Directors report
- Board of Executives report
- Board of Supervisors report
- Audited financial statement

## BOARDS OF DIRECTORS

Board of directors of 2010 – 2014 term comprises of 5 members, in which 3 are executive directors and the 2 others are independent ones. Because the number of independent members is major, this can enhance the company efficiency activities, focus on strategic planning for long-term development to satisfy the shareholders..

### 1 Ms. Le Hai Lieu Chairperson



Date of birth : 18/02/1962

Education : Bachelor of Statistics-Maths, Ho Chi Minh City University of Economics.

Since 04/2012 Ms. Lieu has resigned as the CEO to focus on Chairperson's mission. She has been acting as an special consultant of the Successor on the company management and government .

From 2006 – 04/2012: As a Chairwomen and CEO position, she has succeeded in creating a sound strategic orientation for Duc Thanh Company to achieve great and sustainable development over many challenges.

2003 - 2006 : Vice Chairwomen and CEO of Duc Thanh Company

2000 - 2003 : Vice Chairwomen and Executive Director of Duc Thanh Company

1993 - 2000 : Executive Director of Duc Thanh Company

1991 -1993 : Post-graduate in West Germany

1985 - 1991 : Lecturer of Statistics - Ho Chi Minh City University of Economics.

### Mr. Le Hong Thang 2 Vice chairman and CEO



Date of birth: 27/07/1975

Education : Bachelor of Dynamic Mechanical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technical Education

Since 1/2013, Mr. Thang has been the new CEO of Duc Thanh Company. Owing to his 16-years experience, he has intensive knowledge in production and technique of wood processing industry, so he has made geat contribution in excellently satisfying all complex and urgent production orders. Along with the great support from his sister – Ms. Lieu and good interaction with BoD and BoM. He manages the company successfully, helps company overcome the difficulties and completes all assigned tasks of a CEO position.

T4/2012 - T1/2013 : He was a Board Member and Acting CEO of Duc Thanh Company.

2009 - 03/2012 : Board member and Vice General Director of Duc Thanh Company

2007 - 2009 : Board member and Production Manager of Duc Thanh Company

2003 - 2007 : Vice Director of Duc Thanh Company.

2000 - 2003 : Factory Manager of Duc Thanh Wood company in Dak Lak province

1998 - 2000 : Employee of Duc Thanh Wood company.



### 3 Mr. Le Hong Thanh

Commissioner, Deputy General Director



Date of birth : 02/04/1973

Education : Export – Import and Production Administration

With great experiences in management many years, he defines human resource development strategy, proposes regime for keeping labor therefore always guarantee sufficient labor force for production. Besides, he has contributed so much in finding material source which have stable prices and good quality enough to meet production and help companies reduce the costs significantly

Since 2011 : Deputy General Director of Duc Thanh Company.  
2007 -2010 : Board member and Human Resource Director of Duc Thanh company  
2003 - 2007 : Vice Production Director of Duc Thanh Company.  
2001 - 2003 : Administrator of Document for Exporting and Importing.  
1995- 2001 : Employee of Duc Thanh Company.

### 4 Mr. Tran Xuan Nam

Independent Board member



Date of birth : 01/ 01/ 1966

Education : Bachelor of Economics, Ho Chi Minh City University of Economics With over 17 years experience in investment industry and stock trading, he is known as an excellent advisor to Duc Thanh company for investment strategy, issuing and shareholders relation. Since 10/2013: Deputy General Director of Southern Securities Corporation (PNS)

11/2012 – 08/2013 : General Director of Orient Securities Corporation (ORS)  
2/2010 - 2/2012 : Vice President and Branch Manager of PetroVietnam Securities Inc. (PSI)  
2003 - 2010 : Director of corporate finance division – Ho Chi Minh City securities company (HSC)  
1997 - 2003 : Consultant - Ho Chi Minh City Investment for Urban development (HIFU)  
1995 - 1997 : Production Management – Tien Phong Textile Sewing Trading Company

### 5 Mr. Nguyen Cong Hieu

Independent Board member



Date of birth : 24/10/1961

Education : Bachelor of Foreign Trade and Mechanics, Pr.CEO

With 25-years administrative experience, he has good knowledge of business law and provided the Company with advisory in terms of many matters...

Since 10/2009 : Director of Transimex - Saigon real estate MTV Co.,Ltd  
Since 05/2008 : Manager of Administrative Dept of Transimex – Saigon.  
2005-05/2008 : Vice Manager of Administrative Dept of Transimex – Saigon.  
2002-2005 : Manager of ICD Transimex - Saigon.  
1999-2002 : Plan and Legal Dept of Transimex - Saigon.  
1988-1999 : Technical, Administrative and Shipping Agent Manager of Transimex – Saigon

## DEAR SHAREHOLDERS AND INVESTORS,

With the role of administration, orientation and supervision, Board of Directors (BoD) would like to report these results to General Meeting's Shareholders (GMS):

## YEAR 2013 REVIEW.

### BOARD OF DIRECTORS' ACTIVITIES

Duc Thanh Wood Company ("DTW")'s Board of Directors performed their functions well with 4 major responsibilities including: planning – organizing – leading – supervising.

In 2013:

- BoD organized regular meetings in each quarter and unusual meetings if necessary to discuss, listen to reports and closely supervise manufacturing and business activities. Most of the members participated and gave practical opinions.
- BoD finished checking, modifying development strategy and solutions to suit the real situations of the company and to comply with the Regulations.
- General Director and Board of Management executed and reported all of Resolutions made by GMS and BoD.

### ASSESSMENT OF COMPANY'S ACTIVITIES

#### 1. HUMAN RESOURCE ORGANIZATION

BoD comprises of 1 chairperson, 1 vice-chairperson, 3 members including 2 independent members

Full name	Title	Experience in wood industry, finance and administration
Le Hai Lieu	Chairperson	25 years
Le Hong Thang	Vice-Chairperson and CEO	16 years
Le Hong Thanh	Board Member and Vice-president	19 years
Tran Xuan Nam	Board Member	17 years
Nguyen Cong Hieu	Board Member	25 years

#### 2. TARGETS OF BUSINESS OPERATION

Gross sale of 2013 reached 237.3 billion VND, increased by 2.6% compared with that of last year, achieved 97.4% against the target.

Net profit before tax reached 51.7 billion VND, increased by 9.8% compared with that of last year and by 4.4% against the target.

Net profit after tax reached 36.3 billion VND, decreased by 5.1% compared to last year and achieved 97.9% against the target.

The real estate market in 2013 was still "at the bottom", hence the sale transaction of My Phuoc 2 Industrial Zone, Binh Duong Province has not been carried out yet.

Regarding the expansion of manufacturing plant in Tan Uyen, Binh Duong Province, DTW finished the sale transaction and applied for the Permission of Construction.



### 3. EXTERNAL AUDITOR

Based on the Resolutions of the GMS, the BoD chose Ernst and Young Limited to audit DTW's financial statements in 2013. During the auditing, DTW provided adequate documents and complied with all accounting standards.

### 4. INFORMATION TRANSPARENCY AND INVESTOR RELATIONSHIP.

Regulations of Information Transparency was fully complied to assure the timeliness, publicity and transparency.

Activities of maintaining relationship and providing sufficient information to local and international shareholders and investors were highly appreciated by the investors

The GMS on 13/4/2013 decided to pay 25% on the value of equity shares. Consequently, the Company distributed dividend:

- 10% for the first phase of 2013 on 03/10/2013
- 8% for the second phase of 2013 on 11/12/2013
- Time and dividend payment rate of the third phase of 2013 will be decided after the GMS of 2013.

### 5. REMUNERATION OF BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS

According to the Resolution at GMS on 13/4/2013, the Company paid 600,000,000 VND remuneration to the BoD and BoS in 2013, taking up 0.25% of the 2013 revenue.

## YEAR 2014 COURSE OF ACTION

In 2014, the decisive strategy is close observation of market to reinforce the manufacturing, promote both local and international sales, continuously improve with the motto of "improving control is improving quality, keeping prestige is keeping customers' loyalty" as well as develop sustainably. The BoD will focus on these tasks:

1. Proposing issues within the jurisdiction of the 2014 GMS. Organizing regular meetings in accordance with the regulations to discuss and approve reports and plans in order to provide instructions timely and efficiently to execute 2014 GMS' Resolutions.
2. Complete all internal positions of the BoD and BoS.
3. Striving for business targets:
  - Gross Sale is 252.8 billion VND, increases 7% from 2013
  - Net profit before tax is 57.4 billion VND, increases 11% from 2013
  - Net profit before tax is 44.7 billion VND, increases 23% from 2013
4. Looking for and choosing more major partners and increasing the chartered capital to strengthen the company.
5. Closely supervising and correcting BoM's activities in time in order to:
  - Achieve sustainable development aim.
  - Improve standardized financial management and competent internal auditing system.

- Human resource management: Renew the process of recruitment and complete the vacancies. Enhance training activities to improve the skills of labor force, rotate the employees to create the back-up personnel and successors.
- Stabilize and improve workers' quality of living as well as develop enterprise's culture.

6. Proceeding the construction of the factory at Tan Uyen to increase the productivity.

7. Continuing looking for partners to finish the land sale transaction in My Phuoc 2 Industrial zone, Binh Duong Province contributing approximately 25 billion VND to the Company's net profit after tax.

8. Strengthening the relationship and information transparency with shareholders and investors.

This is the 2013 Financial Year report of Board of Directors. I truly hope to receive opinions from our Shareholders so as to get better results in the future.

Though there are a lot of obstacles and pressure in 2014, we are ready and determined to achieve all of the goals of 2014 basing on 22-year experience, the unity of more than 1,000 employees and supports of both local and international Shareholders.

Best regards,

On the behalf of Board of Directors  
Chairperson

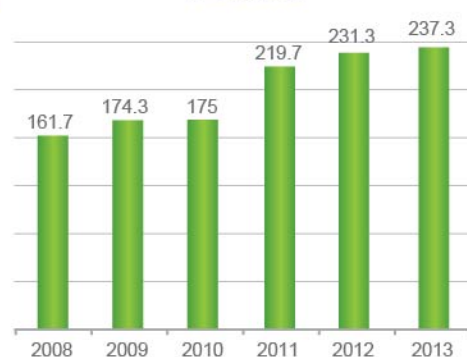


MS. LIEU HAI LE

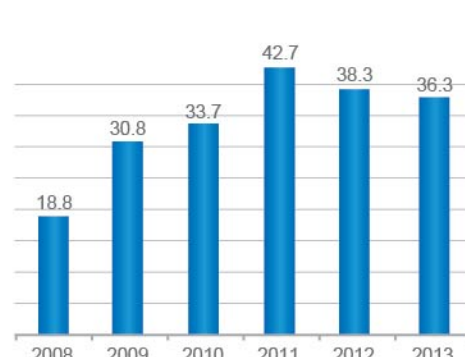




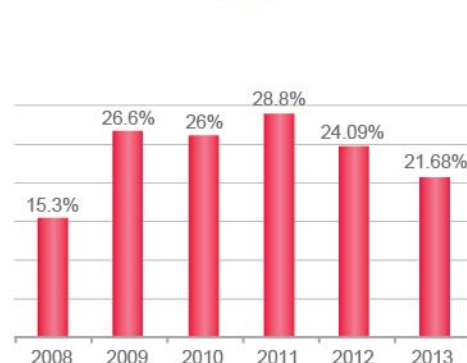
## REVENUE



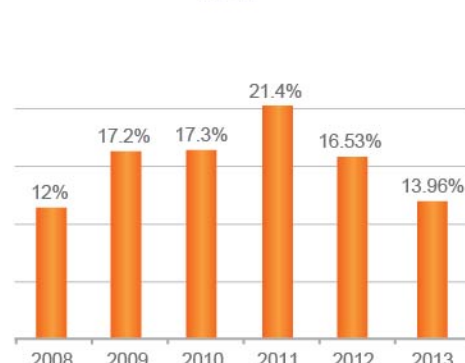
## NET PROFIT



## ROE



## ROA



Items	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Revenue (VND billion)	161,7	174,3	175,0	219,7	231,3	237.3
Net profit (VND billion)	18,8	30,8	33,7	42,7	38,3	36.3
Return on equity (ROE)	15,3%	26,6%	26%	28,8%	24,09%	21.68%
Return on assets (ROA)	12,0%	17,2%	17,3%	21,4%	16,53%	13.96%

Despite facing difficulties and challenges during the year, DTW still managed to maintain business efficiency.

- Revenue increased 2.6% compared to 2012's result, achieved 97.4% against the target.
- Net profit achieved 97.9% against the target.

• GDT's core values are **Stability, Efficiency and Sustainability.**

Unit: 1,000 VND

Income statement	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Net revenue	161,694,646	174,267,882	175,017,411	219,685,394	231,283,510	237,366,929
Gross profit	38,809,031	64,307,151	64,983,292	73,327,592	69,262,391	80,574,288
Operating income	22,740,955	37,389,385	38,712,660	47,215,896	45,929,782	50,780,565
Profit before tax	23,695,064	37,826,849	41,463,249	49,289,779	47,076,876	51,708,395
Corporate Income tax	4,919,375	7,001,401	7,804,185	6,528,330	8,774,013	15,344,628
Net profit	18,775,689	30,825,448	33,659,064	42,761,449	38,302,863	36,363,767
Profit margin	24%	36.9%	37.1%	33.4%	29.9%	33.9%

Balance sheet	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Total assets	162,268,966	195,960,187	192,721,282	206,247,795	257,095,672	263,766,525
Chartered Capital	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650
Average outstanding shares	7,429,133	10,162,730	10,372,365	10,372,365	10,372,365	10,372,365
Shareholders' capital	112,446,461	119,692,652	139,613,444	157,354,019	160,709,501	174,766,634

Other items	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Asset structure						
Current assets/Total assets	47.38%	50.72%	51.67%	57.94%	66.67%	71.12%
Non-current assets/Total assets	52.62%	49.28%	48.33%	42.06%	33.33%	28.88%
Capital structure						
Liabilities/ Total capital	30.70%	38.92%	27.56%	23.71%	37.49%	33.74%
Shareholders' capital/ Total capital	69.30%	61.08%	72.44%	76.29%	62.51%	66.26%

Profitability ratio	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Return of assets (ROA)	12.04%	17.21%	17.32%	21.44%	16.53%	13.96%
Return of equity (ROE)	15.33%	26.56%	25.96%	28.80%	24.09%	21.68%
Net profit/ Chartered capital	18.10%	29.72%	32.45%	41.23%	36.93%	35.06%
Net margin	11.61%	17.69%	19.23%	19.46%	16.56%	15.32%
Earning per share (EPS)	2,527	3,033	3,245	4,123	3,693	3,506





### BOARD OF EXECUTIVES - CHIEF ACCOUNTANT

#### 1. Ms. Le Hai Lieu

Chairperson (See page 79)

#### 3. Mr. Le Hong Thanh

Deputy General Director (See page 80)

#### 5. Mr. Nguyen Van Duc

Deputy Technical Director

Date of birth : 06/07/1955

Education : Junior College of Mechanics, Ho Chi Minh City University of Science and Technology  
He has been working as Deputy Technical Director of Duc Thanh company since 2003. He has made great contribution to technical improvement to enhance effective and economical productivity.

1995 - 2003 : Foreman of Duc Thanh Company  
1992 - 1995 : Technician of Duc Phat Plywood Company.

1988 - 1992 : Outworking Technician.

1977 - 1988 : Technical supervisor of Chemical Mechanic Plant.

#### 7. Mr. Che Dong Khanh

Deputy Production Director

Date of birth : 18/7/1976

Education : 12/12

2011 to Now : Deputy Production Director of Duc Thanh Wood company.

2009 - 2011 : Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2007 - 2009 : Deputy Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2003 - 2005 : Production Foreman of Finishing, Sanding and Edging sections of Duc Thanh Wood Company

#### 2. Mr. Le Hong Thang

Vice Chairperson and CEO (See page 79)

#### 4. Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen

Human Resource Director

Date of birth : 02/10/1974

Education: Bachelor of Accounting, Ho Chi Minh City University of Commerce

Has been working for Duc Thanh since 1995, she has experiences in different jobs, always completes successfully all assignments. Her strong point is to communicate the Board of Director's messages effectively to staff. She has arranged and managed well a lot of company's events.

Since 11/2012 : Human Resource Director of Duc Thanh Company.

2003 - 10/2012 : Human Resource Manager of Duc Thanh Company.

1997 - 2003 : Domestic Sales Representative and Accountant of Duc Thanh Company.

1995 - 1997 : Domestic Sales Representative of Duc Thanh Wood Company.

#### 6. Ms. Bui Phuong Thao

Chief Accountant

Date of Birth : 01/01/1979

Education : Bachelor of Economy, Ho Chi Minh City University of Economy

2011 to Now : Chief Accountant and Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2009 - 2011 : Vice Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2006 - 2009 : Accountant of Duc Thanh Wood Company

2001 - 2005 : Accountant of Minh Giang Mechanics Co., Ltd

## PERFORMANCE IN 2013

### 1. Business performance:

As of December 31st, 2013, DTW achieved the following financial results:

Unit: billion VND

No.	Items	Actual 2012	Actual 2013	Increase over previous period	Plan 2013 (adjusted)	Increase/decrease over plan
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(3)/(5)
1	Total revenue	231,284	237,366	102.6%	243,625	97.43%
	- Export	192,494	188,393	97.8%	196,075	96.08%
	- Domestic	38,132	48,289	126.6%	47,000	102.74%
	- Workshop lease	0,658	0,683	103.8%	0,550	124.28%
2	Profit before tax (*)	47,077	51,708	109.83%	49,522	104.41%
3	Profit after tax	38,303	36,363	94.8%	37,142	97.90%

Note: (\*) Please see audited detailed report on page 124

The remarkable result of 2013 is revenue of local sale which is 48 billion VND, increasing by 26.6% compared to that of 2012, taking up 21% of total revenue and achieving 102.7% against the target.

Local sales focused on 3 key strategies:

- Introducing more new and diversified products to customers.
- Developing more projects with big customers including Dutch Lady, Abotte; Unilever..., which enhances the revenue significantly for the whole year.
- Managing distribution network well, controlling sales expenses strictly and training professional sales team.

One of DTW's advantages is the nationwide distribution network

Kitchenware and kid toys branded Go Duc Thanh and Winwintoys respectively are sold in 1,175 stores and wholesalers, increasing by 15% compared to that of 2012, including:

- HCMC: 66.1%
- Ha Noi & Northern area: 15.7%
- The South & South East area: 12.7%
- Da Nang and Middle area: 5.5%

Revenue of Exporting in 2013 is 188,3 billion VND, taking up 79.4% of the total revenue and 97.8% compared to 2012, achieving 96.08% against the target. The decline is due to many difficulties of the global recession.



Products are mainly exported to Korea, Japan, Thailand, Hong Kong, Germany, the UK, Italy, the USA, France, Netherlands, Australia... in which Asia and Europe take up 71.6% and 23.7% of the exporting revenue respectively.

## 2. Performance and financial indicators:

Performance indicators	2012	2013
Return on average assets	16.53%	13.96%
Return on average equity	24.09%	21.68%
Return on net revenues	16.56%	15.32%

The corporate tax was reduced by 30% in 2012, but there was not such advantage for corporate in 2013. Due to the 25% corporate tax, the profit after tax and return in 2013 decrease.

The results of 2013 are:

- Choking and controlling wood using strictly as well as using wood effectively contribute 51,7 billion VND to profit before tax, increasing approximately 10% compared to 2012.
- Executing close and careful financial management without any systematic risk from the market.
- Checking closely the exchange rate, interest fluctuation in different terms and industrial fields to make the right decisions and hence bring in 4,5 billion VND from financial activities.

## 3. Book value as at December 31<sup>st</sup>, 2013

Owners' equity	: 174,766,634,014 VND
Tangible fixed assets	: 30,215,414,183 VND
Intangible assets	: 12,474,610,003 VND
Number of outstanding shares	: 10,372,365 shares
Book value per share	: 15,647 VND
Earnings per share (EPS)	: 3,506 VND /share.

The closing share price on Hose on 31/12/2013 was 23,100 VND/share, and PE was 6,6

## 4. The assets/capital structure

The assets/capital structure is healthy. The cash rate is 3,5 billion VND and short-term financial investment is 91 billion VND, accounted for 35% of the total assets. Short-term debt ascended from 53,7 billion VND at the beginning to 37,2 billion VND at the end of 2013, and there is no long-term debt outstanding.

## 5. Production activities

The BoM determined on efficient manufacturing and improving productivity to reduce cost. On 31/12/2013, profit accounted for 15.3% of 237,3 billion VND. The achievements resulted from:

- Ms.Le Hai Lieu- chairperson and all members of the BoD always stay with the BoM to update the situations in time and to give clever and effective instructions.
- The young, energetic, enthusiastic and creative BoM, under the leading of Mr.Le Hong Thang – General Director provide flexible management approaches.

- The BoM and Staff focused on solving the key problems and obstacles, strictly controlling wood using, reducing material in manufacturing and recycling the leftovers efficiently.
- Creating 5S-Kaizen team to improve the initiative of re-organizing the manufacturing process, and enhancing productivity. There was a comprehensive co-operation among departments including exporting, material planning, manufacturing and skilled workers who are persistent in increasing products' quality.
- Maintaining the high manufacturing capability for urgent orders with the same quality guarantee.
- 22 years after the establishment, DTW can proudly announce that we had no strikes or go-slow strike and no late salary payment. This is the major element which retains committed employees and increases the efficiency.

## 6. Investment in production expansion

In 2013, DTW invested nearly 1.5 billion VND to buy more manufacturing equipments and machines for factories in HCMC and Binh Duong province.

Regarding the plant expansion project in Tan Uyen, Binh Duong, Binh Duong People's Committee had already approved the plant expansion. DTW bought nearly 7,000 m<sup>2</sup> for plant construction and 400 m<sup>2</sup> for path into the factory which totally cost 4.05 billion VND. We are applying for construction permit.

## 7. Appointment of senior executives and managers

DTW continued to improve personnel structure and assign key positions appropriately:

### Executives:

Mr.Le Hong Thang was appointed General Director from previous position of Acting General Director

### Managers:

Mrs. Phan Thi Van was appointed Local Sales Manager from Deputy Local Sales Manager.

## 8. Salaries and Bonuses of the Board of Directors

Salaries and Bonuses of BoD in 2013 are 2.269.965.000 VND, is 48% higher than those of 2012 due to excellent results. In 2013, Ms. Le Hai Lieu did not receive her salary, but she still supported the BoM to minimize all costs and get the highest return for Shareholders.

## 9. Organizational and personnel structure

We always develop labor force because it is a very important asset of our company to decide the success and sustainability of the company. Until now, DTW is very proud to have loyal and united labor force. As on 31<sup>st</sup> December 2013, total number of DTW employees was 991 people including

- 835 direct and 156 indirect workers
- 2 employees with master degrees, 50 employees with university degrees, 35 employees with college degrees and 32 employees with vocational training
- 232 employees working over 5 years, accounted for 23.4% of the total number.





To maintain the commitment of employees, DTW:

- Improved working environment
- Raised salary in time, provided more benefits to make up for the market's fluctuation and helped employees elevate their earning. Beside the bonuses, DTW also give rewards to encourage working spirit and creativity.
- Voluntarily bought 24/24 human accident insurance and provided various allowances as well as advanced payment to help employees with difficulties or accidents

The BoM always take good care of employees. Consequently, DTW have always been a reliable partner in timely delivering large orders and becoming the best choice of customers

#### 10. Social activities

Together with the business development, DTW always execute the corporate social responsibility. It is the philanthropic tradition that DTW always maintain and improve so far. Every year, DTW join in some community and charity work:

- Supporting poor families in Binh Duong and HCMC
- Supporting the victims of Dioxin in Quang Nam
- Sponsoring clinics for poor people
- Giving presents to orphans
- Providing free Rubella vaccine injection
- Sponsoring heart operations for workers' children

Besides, DTW always:

- Supported the Staff with Le Ba Scholarship (whose name is under the company's founder). Every year, Staff's children receive scholarship to go to school.
- Supported employees suffering from sickness and accidents.
- Sponsored checking gynecological diseases and cancer for female Staff.
- Organized recreational activities: vacation trip, "golden hand competition", football club, soccer club, beauty contest ... to create opportunities for employees to meet and make friends.

#### BUSINESS PLAN FOR 2014

The BoM will try our best to increase the revenue of 2014

Unit: billion VND

No.	Criteria (VND billion)	Actual 2013	Plan 2014	Increase
1	<b>Total revenue</b>	<b>237,366</b>	<b>252,812</b>	<b>7%</b>
	- Export revenue	188,393	198,152	5%
	- Domestic revenue	48,289	54,000	12%
	- Workshop lease	0,683	0,660	(3%)
2	<b>Total expenses</b>	<b>185,658</b>	<b>195,387</b>	<b>5%</b>
3	<b>Profit before tax from operating activities</b>	<b>51,708</b>	<b>57,425</b>	<b>11%</b>
4	<b>Total profit after tax</b>	<b>36,363</b>	<b>69,792</b>	<b>92%</b>
	- Profit after tax from operating activities (*)	36,363	44,792	23%
	- Profit after tax if successfully transferred the land plot in My Phuoc 2, Binh Duong		25,000	

Basing on the existing foundation, in 2014, DTW will focus on these objectives:

#### 1. Continuing to develop local and exporting sales.

Focus on both local and international marketing

- Taking good care of old customers, enhancing the effectiveness of local and international fairs.
- Advertising cleverly on media and internet to promote the company's image. Reducing cost when transferring information is very convenient by using internet.
- Concentrating on big projects and new customers.



*Building and using labor efficiently:*

- Encouraging creativity and contribution of Staff, maintaining clear transactions with suppliers, partners, and customers, applying modern management system.
- Completing vacancies, training the back-ups for key positions.

## 2. Introducing a new product line

Introducing a new product line as well as changing techniques to differentiate the current products. Developing the designing team to provide new products that are suitable for needs and tastes of customers.

## 3. Ensuring production efficiency with minimal expenses.

The BoM will closely monitor the market of timber materials, stock up on materials at reasonable prices to guarantee sufficient materials for overseas orders with acceptable prices.

DTW will continue searching for other types of wood beside rubber wood including mango wood African mahogany lumber, plywood... with inexpensive and reasonable prices. By this way, we can reduce the dependence on rubber wood supply, but we still have to guarantee high level of safety and quality of products.

Minimizing the manufacturing cost in the difficult economic situations, assuring that the financial status is always healthy and using debt at the minimum rate and in the most effective way.

## 4. Expanding factories to increase production capability.

In 2014, with around 25 billion VND, it is predicted that the factory in Tan Uyen, Binh Duong will be expanded to meet the demand of increasing productivity and preventing and fighting fire more easily.

On the behalf of the Board of Management and Staff, I promise I will try harder to bring out more benefits to all Shareholders, partners and customers together with contributing more to the community.

On the behalf of Board of Management

**GENERAL DIRECTOR**



**LE HONG THANG**

## BOARD OF SUPERVISORS

Supervisory Board of 2010-2014 has three members in which 1 is participant in the management of the Company and two others are independent ones. This may helps control company's activities objectively and honestly.

### 1 Ms. Nguyen Kim Chinh

*Head of supervisory Board*



Date of birth : 06/04/1968  
Education : Bachelor of Economics, Bachelor of Finance and Accounting. Since 04/2013: Head of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC. Since 2014: Board member of Project 3 Investment and Construction JSC as a Chief Accountant.

2003 - 2004 : Chief Financial of Project 3 Investment and Construction JSC  
1998 - 2003 : Deputy Financial of Project 3 Investment and Construction JSC  
1992 - 1998 : Cashier of Project 3 Investment and Construction JSC

### Ms. Nguyen Thi Thuong Huyen

*Member*

2

Date of birth : 31/01/1972  
Education : Bachelor of Accounting and Finance, Ho Chi Minh City University of Economics. Since 04/2012 : Member of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC  
Since 2010 : Chief Accountant of Lien A International JSC.  
2005 - 2010 : Chief Accountant and CFO of Duc Thanh Company.  
1994 - 2005 : Manager of Auditing Department of Hoa Viet Joint Venture Company.



### 3 Ms. Truong Thi Binh

*Member*



Date of birth : 11/4/1971  
Education : Bachelor of Foreign Language  
Since 04/2012 : Member of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC  
Since 11/2011 : Export Manager of Duc Thanh Company  
2009 - 11/2011 : Vice Export Manager of Duc Thanh Company  
1996 - 2009 : Sales Representative of Duc Thanh Company.



**Distinguished Shareholders,**

The Board of Supervisors (BoS) of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (DTW) would like to report on the operations of the Board of Supervisors in 2013 and plan for 2014:

**I. AUDITING AND SUPERVISING RESULTS IN 2013:****1. Organizational structure:**

- In December 2012, Ms. Nguyen Thi Minh Ngoc – Head of BoS submitted resignation letters according to the capital withdrawing route of Bank Invest and this position was assigned to Ms. Nguyen Thi Kim Chinh at the General Meeting of Shareholders (GMS) on 13/4/2013:

- The Board includes 3 members in 2013:

1. **Ms. Nguyen Thi Kim Chinh** : Head of BoS
2. **Ms. Nguyen Thi Huong Huyen** : Member
3. **Ms. Truong Thi Binh** : Member

**2. Activities of Supervisors:**

- BoS held 4 meetings quarterly. On the behalf of shareholders, the BoS supervised most issues of the business operation, management and execution of Board of Management (BoM) on the basis of legal laws, company's charter and the requirements of the owners. Details are as follows:

- Making plans of monthly and quarterly checking and supervising; assigning members to required functions.
- Supervising the compliance with Law on Enterprises, Legal rules, Company's charter, DTW's regulations of management, GMS and BoD ' Resolutions as well as 2013 plan of production.
- Appointing representatives to attend the BoD's meetings, supervising execution of the BoD and the BoM on GMS's Resolutions together with giving opinions within the BoS's responsibility and authority.
- Assessing and contributing ideas to monthly and quarterly financial reports in 2013. Assisting accounting department in completing monthly costing reports which were used as a base for General Director to make decision in adjusting prices for sales department to provide customers with appropriate and correct quotations.
- Making sure that all reports for BoD's Meetings were well-prepared and sent to all members in time.
- Timely selecting and ensuring the independence and confidence of the independent auditor for the year 2013. Working, discussing with the independent auditor on the nature and the scope of the audit work. All difficulties and pending issues were identified in the first six-month audit; review management letters of the independent auditor and feedback reports of the BoM.
- Besides, the BoS regularly monitored all information related to business operation and unusual issues which could affect DTW's operation. Giving opinions to improve internal management.

**3. Activities of Supervisors:**

- In 2013, DTW executed all methods to improve and perfect financial management such as building and enforcing internal management's regulations in terms of finance, salary and target exceeding.

After the assessment, the BoS consented to these results:

- The 2013 financial statements were prepared by DTW and audited by Ernst & Young Limited. The financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2013. The results of its operations and cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with the relevant statutory requirements.
- Recording and opening the accounting book were complied with the accounting standard issued by Ministry of Finance without any serious faults.
- DTW achieved these fundamental targets according to 2013 GMS' Resolutions:

Unit: billion VND

No.	TARGET (billion VND)	PLAN	ACTUAL	INCREASE/DECREASE OVER PLAN
<b>1</b>	<b>Total revenue</b>	<b>243,625</b>	<b>237,366</b>	<b>97.43 %</b>
1.1	Export	196,075	188,393	96.08%
1.2	Domestic	47,000	48,289	102.74%
1.3	Workshop Lease	0,550	0,683	124.18%
<b>2</b>	<b>Total expenses</b>	<b>194,103</b>	<b>185,658</b>	<b>95.65%</b>
<b>3</b>	<b>Profit before tax</b>	<b>49,522</b>	<b>51,708</b>	<b>104.41%</b>
<b>4</b>	<b>Profit after tax</b>	<b>37,142</b>	<b>36,363</b>	<b>97.90%</b>

**4. Evaluation on the compliance with law/ regulations and implementation of General Shareholders' Meeting and Board of Director's resolutions**

- DTW succeeded in:

- *Maintaining high business efficiency on the basis of current laws.* This is an important task, especially in the difficult time of all the globe and under the very strict legal rules for public companies listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).
- *Complying well with all operational procedures of the internal management system.* It also maintained a good internal control system in line with requirements of the prevailing accounting standards and accounting systems.
- *Setting up and applied the function-based budget control method as well as followed the Company's financial management requirements.*

- All the resolutions of the GMS were discussed at the BoD's meetings and periodically reviewed for practice to prepare for suitable adjustment directions.

**5. Supervision and implementation of the internal management regulations.****5.1 Board of Directors**

- The BoD executed and followed strictly GMS's Resolutions, discussed and solved all difficulties in business operation and protected shareholders' interests and working regulations.



- *Comment of BoS:* The number of meetings and BoD's Resolutions are suitable to responsibility and authority of BoD stated in legal law and company's charter.

## 5.2 Board of Management

- The BoM planned and managed everyday operation of DTW within the functions, responsibility and authority stated in company's charter. The BoM made efforts to achieve significant results in difficult time. Hence, the profit before tax increased to 104% against the target, taking up 9.8% compared with that of 2012.
- *Comment of BoS:* Management policy of the BoM complied with all GMS's Resolutions. Decisions made by the BoM were within the functions, responsibilities and authorities of company's charter and current laws.

## 5.3 Supervising internal management

- Members of the BoS regularly discussed with the BoM and financial division to execute its supervising function. BoS complimented DTW on improving supervision, punishment, skills, ethics, compliance with company's charter, cost reduction and high rate of profit.
- There were many difficulties in 2013, but business operation was good generally, and the BoM took good care of Staff's living conditions.
- The BoM and all departments supervised the inventory, recording the inventory, and detecting and adjusting faults in time to avoid damages to the company.
- The BoS did not find out any violation of members of the BoD, BoM and managers in legal law, company's charter and regulation.

## 5.4 Professional Expertise, Capability and Independence of the external Auditor.

- In 2013, DTW chosed Ernst and Young Limited, a professional accountancy firm for independently auditing DTW's financial statement based on current accounting standards

## 6. Co-operation between BoS and BoD, BoM and Shareholders.

- The BoD, BoM and other professional departments adequately provided the BoS with all important information. Owing to the co-operation, the BoS together with the BoD and BoM could update the situations to propose resolutions as well as discuss issues to maintain the regulations, legal laws and internal charter.
- All problems noted by BoS were gradually solved and improved.
- The BoS did not receive any complaints of Shareholders.

## II. EVALUATION.

- BoS confirm that DTW's business operation had good results and completed the tasks made by 2013 GMS.
- BoS would like to thank the BoD, the BoM and all departments of DTW who supported during the year to accomplish the mission.

## III. PLAN OF THE BOARD OF SUPERVISORS FOR 2014

- In 2014, BoS will focus on these issues:
  - Supervising the compliance of management of business operation with legal laws and company's charter.
  - Assessing quarterly and yearly financial reports as well as financial policies.
  - Reviewing letter of management of the independent auditor and feedback reports of company's management, supervising the repairment advised by auditing company. Discussing the difficulties basing on the results.
  - Assessing the implementation of the BoD Resolutions in the BoD's meetings
  - Taking part in all the BoD's meetings held by the Company

Basing on this foundation, BoS hope that DTW will continue to improve, achieve better results and accomplish all targets made by GMS in 2014.

Thank you and Best regards,

On the behalf of Board of Supervisors

  
NGUYEN KIM CHINH





### Shareholder structure on March 19<sup>th</sup> 2014

	Name	ID	Address	Share	Ownership (%)
1	Ms. Le Hai Lieu	020 343 551	1/101 Ha Huy Tap, Ward Tan Phong, PMH, Dist 7, HCMC, VN	1,763,429	17.00%
2	MUTUAL FUND ELITE	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland.	1,035,000	9.98%
3	Ms. Ha Thi Hue	020 343 493	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	1,110,600	10.71%
4	Mr. Le Hong Thang	022 768 118	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	810,000	7.81%
5	Mr. Le Hong Thanh	022 760 219	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	786,660	7.58%
<b>TOTAL</b>				<b>5,505,689</b>	<b>53.08%</b>

### Ownership rate of member's Directors, Supervisors and Executives on March 19<sup>th</sup> 2014

No	Name	ID	Position	Share ownership	
				Shares	Ownership
<b>I Board of Directors and Executives</b>					
1	Ms. Le Hai Lieu	020 343 551	Chairwoman	1,763,429	17.00%
2	Mr. Le Hong Thang	022 768 118	Vice chairperson - CEO	810,000	7.81%
3	Mr. Le Hong Thanh	022 760 219	Board member - Vice GD	786,660	7.58%
4	Mr. Nguyen Cong Hieu	020 343 136	Board member	5,000	0.05%
5	Mr. Tran Xuan Nam	021 838 536	Board member	-	-
6	Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen	024 183 985	Manager of HR	9,800	0.09%
<b>TOTAL</b>				<b>3,374,889</b>	<b>32.54%</b>
<b>II Supervisory board</b>					
1	Ms. Nguyen Kim Chinh	024 304 528	Head of Bos	-	-
2	Ms. Nguyen Thi Huong Huyen	022 824 240	Member	5,200	0.05%
3	Ms. Truong Thi Binh	024 559 087	Member	880	0.01%
<b>TOTAL</b>				<b>6,080</b>	<b>0.06%</b>

### Share trading activities by inside shareholders

There were share trading activities by inside shareholders in 2013

### Shareholder structure on March 19<sup>th</sup> 2014

List	Local		Foreigner		Total	
	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)
<b>Inside Shareholders</b>						
Board of directors and Executives	3,374,889	32.54%	-	-	3,374,889	32.54%
Supervisory board	6,080	0.06%	-	-	6,080	0.06%
Others insiders	411,800	3.97%	-	-	411,800	3.97%
Treasury shares	-	-	-	-	-	-
<b>Total Inside Shareholders</b>	<b>3,792,769</b>	<b>36.57%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3,792,769</b>	<b>36.57%</b>
<b>Outside shareholders</b>						
Individuals	4,300,436	41.46%	600,160	5.88%	4,900,596	47.25%
Institutions	95,210	0.92%	1,583,790	6.96%	1,679,000	16.19%
<b>Total Outside Shareholders</b>	<b>4,395,646</b>	<b>42.38%</b>	<b>2,183,950</b>	<b>21.06%</b>	<b>6,579,596</b>	<b>6.43%</b>
<b>Total</b>	<b>8,188,415</b>	<b>78.94%</b>	<b>2,183,950</b>	<b>21.06%</b>	<b>10,372,365</b>	<b>100.00%</b>





## DUC THANH WOOD PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

### GENERAL INFORMATION

#### THE COMPANY

Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000 and the following Amended Business Registration Certificates:

<i>Amended Business Registration Certificates No.</i>	<i>Dates</i>
First amendment	8 August 2000
Second amendment	1 July 2002
Third amendment	9 December 2002
Fourth amendment	17 January 2003
Fifth amendment	30 July 2004
Sixth amendment	3 March 2005
Seventh amendment	9 June 2006
Eighth amendment	27 July 2006
Ninth amendment	13 October 2006
Tenth amendment	11 December 2006
Eleventh amendment	30 January 2007
Twelfth amendment	17 April 2007
Thirteenth amendment	3 December 2008
Fourteenth amendment	9 January 2009
Fifteenth amendment	13 January 2012
Sixteenth amendment	24 April 2012
Seventeenth amendment	1 July 2013

The current principal activities of the Company are to produce household wooden products, broom sticks, flag sticks, plywood and wooden toys.

The Company's head office and factory are located at 21/6D Phan Huy Ich Street, Ward 14, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam. The Company also has one (1) factory located at Zone 9, Tan Hoi, Tan Hiep Commune, Tan Uyen District, Binh Duong Province, Vietnam; and two (2) showrooms located at 172 Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam and 21 Nguyen Van Linh Street, Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam.

#### BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Ms Le Hai Lieu	Chairman	
Mr Le Hong Thang	Deputy Chairman	appointed on 13 April 2013
Mr Hans Christian Jacobsen	Deputy Chairman	resigned on 13 April 2013
Mr Le Hong Thanh	Member	
Mr Tran Xuan Nam	Member	
Mr Nguyen Cong Hieu	Member	
Ms Nguyen Le Kim Chuyen	Member	resigned on 13 April 2013

#### BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Ms Nguyen Kim Chinh	Head of Board of Supervision	appointed on 13 April 2013
Ms Truong Nu Minh Ngoc	Head of Board of Supervision	resigned on 13 April 2013
Ms Nguyen Thi Huong Huyen	Member	
Ms Truong Thi Binh	Member	

#### MANAGEMENT

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Mr Le Hong Thang	General Director	appointed on 25 January 2013
Ms Le Hai Lieu	General Director	resigned on 25 January 2013
Mr Le Hong Thanh	Deputy General Director	
Ms Nguyen Thi Thanh Huyen	Human Resource manager	

#### LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Le Hong Thang, General Director.

#### AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.



## REPORT OF MANAGEMENT

Management of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company ("the Company") is pleased to present its report and the financial statements of the Company for the year ended 31 December 2013.

## MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the financial statements of each financial year which give a true and fair view of the state of affairs of the Company and of the results of its operation and cash flows for the year. In preparing those financial statements, management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements; and
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that the Company has complied with the above requirements in preparing the accompanying financial statements for the year ended 31 December 2013.

## MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2013 and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements.

For and on behalf of management



**Le Hong Thang**  
General Director  
31 March 2014

Reference: 61001277/16384148

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

## To: The shareholders of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company ("the Company") as prepared on 31 March 2014 and set out on pages 6 to 33, which comprise the balance sheet as at 31 December 2013, the income statement and cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

## Management's Responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

## Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

## Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at 31 December 2013, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



**Ernest Young Chin Kang**  
Deputy General Director  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1891-2013-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam  
31 March 2014



**Le Vu Truong**  
Auditor  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1588-2013-004-1



# BALANCE SHEET as at 31 December 2013

As at 31 December 2013

B 01 - DN  
VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>187,585,196,741</b>	<b>171,402,494,751</b>
110	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	4	<b>3,499,241,715</b>	<b>34,976,093,331</b>
111	1. Cash		999,241,715	1,576,093,331
112	2. Cash equivalents		2,500,000,000	33,400,000,000
120	<b>II. Short-term investments</b>	5	<b>91,000,000,000</b>	<b>47,900,000,000</b>
121	1. Short-term investments		91,000,000,000	47,900,000,000
130	<b>III. Current accounts receivable</b>		<b>25,927,946,657</b>	<b>22,586,275,781</b>
131	1. Trade receivables		20,993,457,039	20,675,506,279
132	2. Advances to suppliers		3,164,875,217	1,465,115,479
135	3. Other receivables		1,769,614,401	445,654,023
140	<b>IV. Inventories</b>	6	<b>64,376,013,886</b>	<b>61,736,293,239</b>
141	1. Inventories		66,857,316,387	62,736,293,239
149	2. Provision for obsolete inventories		(2,481,302,501)	(1,000,000,000)
150	<b>V. Other current assets</b>		<b>2,781,994,483</b>	<b>4,203,832,400</b>
151	1. Short-term prepaid expenses		445,239,520	559,730,450
152	2. Value-added tax deductible		1,773,888,386	1,958,804,710
158	3. Other current assets		562,866,577	1,685,297,240
200	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>76,181,328,670</b>	<b>85,693,177,552</b>
220	<b>I. Fixed assets</b>		<b>48,616,794,778</b>	<b>55,886,231,165</b>
221	1. Tangible fixed assets	7	30,215,414,183	33,749,855,430
222	Cost		69,526,949,800	71,424,160,846
223	Accumulated depreciation		(39,311,535,617)	(37,674,305,416)
227	2. Intangible assets	8	12,474,610,003	12,727,872,823
228	Cost		15,019,114,013	15,084,334,013
229	Accumulated amortisation		(2,544,504,010)	(2,356,461,190)
230	3. Construction in progress	9	5,926,770,592	9,408,502,912
260	<b>II. Other long-term assets</b>		<b>27,564,533,892</b>	<b>29,806,946,387</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	10	26,766,641,526	27,856,083,680
262	2. Deferred tax assets	20.3	527,892,366	1,680,862,707
268	3. Other long-term assets		270,000,000	270,000,000
270	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>263,766,525,411</b>	<b>257,095,672,303</b>

# BALANCE SHEET (continued)

As at 31 December 2013

B 01 - DN  
VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	<b>A. LIABILITIES</b>		<b>88,999,891,397</b>	<b>96,386,171,709</b>
310	<b>I. Current liabilities</b>		<b>86,276,426,397</b>	<b>92,963,476,709</b>
311	1. Short-term loans	11	37,205,114,839	53,732,904,022
312	2. Trade payables		9,769,895,826	9,913,495,842
313	3. Advances from customers		3,692,211,107	2,615,435,816
314	4. Statutory obligations	12	9,687,444,780	5,634,079,195
315	5. Payables to employees		4,824,414,000	3,450,345,000
316	6. Accrued expenses	13	18,165,144,133	12,575,178,280
319	7. Other payables		455,849,966	1,695,075,564
323	8. Bonus and welfare fund		2,476,351,746	3,346,962,990
330	<b>II. Non-current liabilities</b>		<b>2,723,465,000</b>	<b>3,422,695,000</b>
333	1. Other long-term liabilities		2,723,465,000	2,422,695,000
339	2. Scientific and technological development fund		-	1,000,000,000
400	<b>B. OWNERS' EQUITY</b>		<b>174,766,634,014</b>	<b>160,709,500,594</b>
410	<b>I. Capital</b>	14.1	<b>174,766,634,014</b>	<b>160,709,500,594</b>
411	1. Share capital		103,723,650,000	103,723,650,000
412	2. Share premium		2,856,593,370	2,856,593,370
417	3. Investment and development fund		9,688,104,867	9,688,104,867
418	4. Financial reserve fund		8,981,235,647	8,981,235,647
420	5. Undistributed earnings		49,517,050,130	35,459,916,710
440	<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>		<b>263,766,525,411</b>	<b>257,095,672,303</b>

# OFF BALANCE SHEET ITEM

ITEM	Ending balance	Beginning balance
Foreign currency - United States dollar (US\$)	33,202	27,590

Tran Nguyen Viet Trung  
Preparer

Bui Phuong Thao  
Chief AccountantLe Hong Thang  
General Director

31 March 2014



## INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2013

B 02 - DN  
VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of services	16.1	238,360,193,177	231,931,578,511
02	2. Deductions	16.1	(993,263,788)	(648,068,973)
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services	16.1	237,366,929,389	231,283,509,538
11	4. Cost of goods sold and services rendered	19	(156,792,641,530)	(162,021,118,345)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		80,574,287,859	69,262,391,193
21	6. Finance income	16.2	6,733,271,541	7,067,983,362
22	7. Finance expenses	17	(2,210,703,635)	(1,884,623,178)
23	- In which: Interest expense		(1,101,597,106)	(1,534,488,869)
24	8. Selling expenses	19	(13,829,152,229)	(13,491,877,568)
25	9. General and administrative expenses	19	(20,487,138,317)	(15,024,091,923)
30	10. Operating profit		50,780,565,219	45,929,781,886
31	11. Other income	18	2,708,583,135	1,248,194,533
32	12. Other expenses	18	(1,780,753,651)	(101,100,584)
40	13. Other profit	18	927,829,484	1,147,093,949
50	14. Profit before tax		51,708,394,703	47,076,875,835
51	15. Current corporate income tax expense	20.1	(14,191,657,228)	(9,648,882,940)
52	16. Deferred income tax benefit	20.1	(1,152,970,341)	874,870,319
60	17. Net profit after tax		36,363,767,134	38,302,863,214
70	18. Basic and diluted earnings per share	15	3,506	3,693

Tran Nguyen Viet Trung  
Preparer

31 March 2014

Bui Phuong Thao  
Chief AccountantLe Hong Thang  
General Director

## CASH FLOW STATEMENT

For the year ended 31 December 2013

B 03 - DN  
VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	Profit before tax		51,708,394,703	47,076,875,835
	Adjustments for:			
02	Depreciation and amortisation	7, 8	5,701,863,486	4,582,971,353
03	Provisions		1,481,302,501	(3,400,000,000)
04	Unrealised foreign exchange gain	16.2	(178,712,130)	(228,877,931)
05	Profits from investing activities		(5,734,219,479)	(6,068,481,244)
06	Interest expense	17	1,101,597,106	1,534,488,869
08	Operating profit before changes in working capital		54,080,226,187	43,496,976,882
09	Increase in receivables		(957,846,188)	(5,621,493,859)
10	Decrease (increase) in inventories		(1,541,733,647)	671,707,806
11	Increase in payables		6,110,521,662	2,966,349,735
12	Decrease in prepaid expenses		1,457,195,904	1,650,178,886
13	Interest paid		(1,115,009,459)	(1,480,435,290)
14	Corporate income tax paid	20.2	(10,390,440,445)	(6,195,381,761)
15	Other cash inflows from operating activities		116,719,000	110,852,000
16	Other cash outflows from operating activities		(4,517,320,000)	(4,893,178,635)
20	Net cash flows from operating activities		43,242,313,014	30,705,575,764
	<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	Purchase and construction of fixed assets		(2,410,193,573)	(4,494,104,783)
22	Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	18	1,304,053,046	40,454,545
23	Bank deposits		43,100,000,000	47,900,000,000
27	Interest received		4,619,949,633	5,924,000,973
30	Net cash flows (used in) from investing activities		(39,586,190,894)	(46,429,649,265)



## CASH FLOW STATEMENT (continued)

For the year ended 31 December 2013

B 03 - DN  
VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
33	Drawdown of borrowings		99,181,288,283	117,207,415,387
34	Repayment of borrowings		(115,705,462,340)	(75,012,187,681)
36	Dividends paid		(18,665,798,400)	(31,110,165,000)
40	Net cash flows (used in) from financing activities		(35,189,972,457)	11,085,062,706
50	Net decreases in cash and cash equivalents		(31,533,850,337)	(4,639,010,795)
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	4	34,976,093,331	39,610,796,496
61	Impact of exchange rate fluctuation		56,998,721	4,307,630
70	Cash and cash equivalents at end of year	4	3,499,241,715	34,976,093,331



**Tran Nguyen Viet Trung**  
Preparer

31 March 2014



**Bui Phuong Thao**  
Chief Accountant



**Le Hong Thang**  
General Director

## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

As at and for the year ended 31 December 2013

### 1. CORPORATE INFORMATION

Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000 and the following Amended Business Registration Certificates:

<u>Amended Business Registration Certificates No.</u>	<u>Date</u>
First amendment	8 August 2000
Second amendment	1 July 2002
Third amendment	9 December 2002
Fourth amendment	17 January 2003
Fifth amendment	30 July 2004
Sixth amendment	3 March 2005
Seventh amendment	9 June 2006
Eighth amendment	27 July 2006
Ninth amendment	13 October 2006
Tenth amendment	11 December 2006
Eleventh amendment	30 January 2007
Twelfth amendment	17 April 2007
Thirteenth amendment	3 December 2008
Fourteenth amendment	9 January 2009
Fifteenth amendment	13 January 2012
Sixteenth amendment	24 April 2012
Seventeenth amendment	1 July 2013

The current principal activities of the Company are to produce household wooden products, broom sticks, flag sticks, plywood and wooden toys.

The Company's head office and factory are located at 21/6D Phan Huy Ich Street, Ward 14, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam. The Company also has one (1) factory located at Zone 9, Tan Hoi, Tan Hiep Commune, Tan Uyen District, Binh Duong Province, Vietnam; and two (2) showrooms located at 172 Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam and 21 Nguyen Van Linh Street, Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Company's employees as at 31 December 2013 was 1,021 (31 December 2012: 982).

### 2. BASIS OF PREPARATION

#### 2.1 Accounting standards and system

The financial statements of the Company, expressed in Vietnam Dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards ("VAS") issued by the Ministry of Finance as per:



- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

The accompanying balance sheet, income statement, cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

## 2.2 Applied accounting documentation system

The Company's applied accounting documentation system is the General Journal system.

## 2.3 Fiscal year

The Company's fiscal year starts on 1 January and ends on 31 December.

## 2.4 Accounting currency

The financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

# 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

## 3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

## 3.2 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

- |                                    |   |
|------------------------------------|---|
| Raw materials                      | - cost of purchase on a weighted average basis.   |
| Finished goods and work-in-process | - cost of direct materials and labour plus attributable manufacturing overheads based on the normal operating capacity on a weighted average basis. |

## Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Company, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the income statement.

## 3.3 Receivables

Receivables are presented in the financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the income statement.

## 3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated depreciation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

## 3.5 Intangible assets

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the income statement as incurred.

When intangible assets are sold or retired, their costs and accumulated amortisation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

## Land use rights

Land use rights are recorded as intangible assets on the balance sheet when the Company obtained the land use right certificates. The costs of land use right comprise all directly attributable costs of bringing the land to the condition available for intended use. The land use right is amortised over the useful life, exception for land use right having indefinite useful life is not amortised.



### 3.6 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	10 - 25 years
Machinery and equipment	4 - 12 years
Means of transportation	3 - 9 years
Office equipment	6 - 10 years
Land use right	40 - 46 years
Accounting software	3 - 5 years

### 3.7 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expenses during the year in which they are incurred.

### 3.8 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

Prepaid expenses also include the land rental expense at My Phuoc 2 Industry Park, Binh Duong Province, Vietnam which was amortised to the income statement over the rental period of 55 years.

### 3.9 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Company.

### 3.10 Accrual for severance pay

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have more than 12 months in service up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labour Code, the Law on Social Insurance and related implementing guidance. Commencing 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Any increase to the accrued amount will be taken to the income statement.

This accrued severance pay is used to settle the severance allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

### 3.11 Foreign currency transactions

The Company follows the guidance under Vietnamese Accounting Standard No. 10 – The effects of changes in foreign exchange rates and Circular No. 179/2012/TT-BTC providing guidance on recognition, measurement and treatment for the foreign exchange differences issued by the Ministry of Finance on 24 October 2012 in relation to foreign currency transactions, as applied consistently in prior year.

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of VND are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at buying exchange rate announced by the commercial bank where the Company maintains bank accounts at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the income statement.

### 3.12 Basic earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary shareholders, before appropriation for funds by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, where applicable.

### 3.13 Appropriation of net profits

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Company maintains the following reserve funds which are appropriated from the Company's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting:

#### *Financial reserve fund*

This fund is set aside to protect the Company's normal operations from business risks or losses, or to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

#### *Investment and development fund*

This fund is set aside for use in the Company's expansion of its operation or in-depth investments.

#### *Bonus and welfare fund*

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and it is recognised as a liability.

#### *Scientific and technological development funds*

This fund is set aside for scientific and technological development proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

### 3.14 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

#### *Sale of goods*

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

#### *Rendering of services*

Revenue is recognised when services have been rendered.



#### *Interest*

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

### **3.15 Taxation**

#### *Current income tax*

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

#### *Deferred income tax*

Deferred income tax is provided using the balance sheet liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred income tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences. Deferred income tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred income tax assets to be recovered.

Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority.

### **3.16 Segment information**

A segment is a component determined separately by the Company which is engaged in providing products or related services (business segment), or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments. As the Company's revenue and profit are derived mainly from production and/or sales of wooden products and the Company does not have production or sales activity outside of Vietnam while other sources of revenue are not material as a whole, management accordingly believes that the Company operates in a sole business segment of production and sales of wooden products and geographical segment of the Company is in Vietnam only.

### **3.17 Financial instruments**

#### *Financial instruments - initial recognition and presentation*

##### Financial assets

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on 6 November 2009 are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Company determines the classification of its financial assets at initial recognition.

All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Company's financial assets include cash, short-term deposits, trade and other receivables.

##### Financial liabilities

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortised cost as appropriate. The Company determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

All financial liabilities are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Company's financial liabilities include trade and other payables, and loans.

#### *Financial instruments – subsequent re-measurement*

There is currently no guidance in Circular 210 in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently re-measured at cost.

#### *Offsetting of financial instruments*

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.



## 4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	99,601,972	249,849,939
Cash at banks	899,639,743	1,326,243,392
Cash equivalents	2,500,000,000	33,400,000,000
<b>TOTAL</b>	<b>3,499,241,715</b>	<b>34,976,093,331</b>

Cash equivalents represent the bank deposits with an original maturity of less than three months and earn interest at rate 7.0% per annum.

## 5. SHORT-TERM INVESTMENTS

Short-term investments represent bank deposits with an original maturity of more than three months and earn the interest at the rates from 6.8% to 9.0% per annum.

A short-term investment amounting to VND 3,500,000,000 was pledged as collateral for a short-term loan obtained from a commercial bank (Note 11). This collateral shall be released by this commercial bank upon the Company's repayment of its loan.

## 6. INVENTORIES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Raw materials	45,509,488,846	46,378,664,784
Finished goods	12,532,851,256	11,637,493,806
Work in process	5,893,506,046	3,748,620,683
Tools and supplies	2,921,470,239	532,112,589
Goods on consignment	-	439,401,377
	<b>66,857,316,387</b>	<b>62,736,293,239</b>
Provision for obsolete inventories	(2,481,302,501)	(1,000,000,000)
<b>NET</b>	<b>64,376,013,886</b>	<b>61,736,293,239</b>

## Detail of movements of provision for obsolete inventories:

	VND	
	Current year	Previous year
At beginning of year	(1,000,000,000)	(4,400,000,000)
Add: Provision created during the year	(1,970,715,501)	(1,000,000,000)
Less: Utilisation and reversal of provision during the year	489,413,000	4,400,000,000
<b>At end of year</b>	<b>(2,481,302,501)</b>	<b>(1,000,000,000)</b>

## 7. TANGIBLE FIXED ASSETS

	VND				
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Total
<b>Cost:</b>					
Beginning balance	33,769,154,340	32,226,998,404	3,343,559,556	2,084,448,546	71,424,160,846
Newly purchased	-	110,000,000	2,383,684,818	-	2,493,684,818
Reclassified	(568,600,964)	596,071,364	-	(27,470,400)	-
Disposed	(12,926,400)	(343,566,515)	(562,935,468)	(13,000,000)	(932,428,383)
Other reductions (*)	(113,482,660)	(2,490,440,914)	(27,700,728)	(826,843,179)	(3,458,467,481)
Ending balance	33,074,144,316	30,099,062,339	5,136,608,178	1,217,134,967	69,526,949,800
<b>In which:</b>					
Fully depreciated	1,083,342,401	13,820,886,942	465,282,648	1,747,757,904	17,117,269,895
<b>Accumulated depreciation:</b>					
Beginning balance	(10,651,728,423)	(23,881,279,302)	(1,309,787,067)	(1,831,510,624)	(37,674,305,416)
Depreciation for the year	(2,666,849,878)	(2,190,733,231)	(471,699,442)	(119,318,115)	(5,448,600,666)
Reclassified	(72,133,185)	89,683,726	-	(17,550,541)	-
Disposed	1,077,200	333,917,171	228,545,748	12,236,934	575,777,053
Other reductions (*)	49,075,334	2,352,753,827	21,642,121	812,122,130	3,235,593,412
Ending balance	(13,340,558,952)	(23,295,657,809)	(1,531,298,640)	(1,144,020,216)	(39,311,535,617)
<b>Net carrying amount:</b>					
Beginning balance	23,117,425,917	8,345,719,102	2,033,772,489	252,937,922	33,749,855,430
Ending balance	19,733,585,364	6,803,404,530	3,605,309,538	73,114,751	30,215,414,183
<b>In which:</b>					
Pledged as loan security (Note 11)	17,651,693,922	-	-	-	17,651,693,922

(\*) During the year, the Company has reclassified those assets that no longer satisfy recognition criteria of fixed assets as required by the Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2014 guiding the management, use and depreciation of fixed assets ("Circular 45") into long-term prepaid expenses.



## 8. INTANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	Land use rights	Accounting software	Total
<b>Cost:</b>			
Beginning balance	14,917,549,433	166,784,580	15,084,334,013
Other reductions (*)	-	(65,220,000)	(65,220,000)
Ending balance	14,917,549,433	101,564,580	15,019,114,013
<i>In which:</i>			
Fully amortised	-	101,564,580	101,564,580
<b>Accumulated amortisation:</b>			
Beginning balance	(2,189,676,610)	(166,784,580)	(2,356,461,190)
Amortisation for the year	(253,262,820)	-	(253,262,820)
Other decreases (*)	-	65,220,000	65,220,000
Ending balance	(2,442,939,430)	(101,564,580)	(2,544,504,010)
<b>Net carrying amount:</b>			
Beginning balance	12,727,872,823	-	12,727,872,823
Ending balance	12,474,610,003	-	12,474,610,003
<i>In which:</i>			
Pledged as loan security (Note 11)	6,249,999,990	-	6,249,999,990

(\*) During the year, the Company has reclassified those assets that no longer satisfy recognition criteria of fixed assets as required by Circular 45 into long-term prepaid expenses.

## 9. CONSTRUCTION IN PROGRESS

Construction in progress represents the expansion cost of factory located at Zone 9, Tan Hoi, Tan Hiep Commune, Tan Uyen District, Binh Duong Province, Vietnam.

## 10. LONG-TERM PREPAID EXPENSES

VND

	Ending balance	Beginning balance
Land clearance cost at My Phuoc Industrial Park	24,242,787,401	24,828,176,045
Land use right	1,215,047,113	1,243,304,017
Others	1,308,807,012	1,784,603,618
<b>TOTAL</b>	<b>26,766,641,526</b>	<b>27,856,083,680</b>

## 11. SHORT-TERM LOANS

VND

	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans from banks	37,205,114,839	53,732,904,022

The Company entered into agreements with Joint Stock Bank for Vietnam Import Export – Main Office No.1 for a US\$ 3,000,000 loan facility, Commonwealth Bank of Australia – Ho Chi Minh City branch for a US\$ 2,000,000 loan facility and Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City branch for a VND 50,000,000,000 loan facility. The Company obtained these loans to finance for its working capital requirements.

Details of short-term loans from banks are as follows:

Bank	Ending balance	Original amount	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral
	VND	US\$		(%/p.a.)	
Joint Stock Bank for Vietnam Import Export – Main Office No.1	13,065,615,440	619,664	6 months and from 26 March 2014 to 5 May 2014	3.3	Unsecured
Commonwealth Bank of Australia – Ho Chi Minh City branch	21,129,109,820	1,002,092	6 months and from 14 February 2014 to 5 August 2014	2.7	Buildings & structures (Note 7) and land use right (Note 8)
Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City branch	3,010,389,579	142,774	4 months and 28 April 2014	2.8	Short-term investment (Note 5)
<b>TOTAL</b>	<b>37,205,114,839</b>	<b>1,764,530</b>			

## 12. STATUTORY OBLIGATIONS

VND

	Ending balance	Beginning balance
Corporate income tax (Note 20.2)	9,198,995,761	5,397,778,978
Personal income tax	79,160,760	64,009,148
Others	409,288,259	172,291,069
<b>TOTAL</b>	<b>9,687,444,780</b>	<b>5,634,079,195</b>

## 13. ACCRUED EXPENSES

VND

	Ending balance	Beginning balance
Salary and bonus	11,486,809,000	9,552,415,993
Land rental fees	5,096,624,473	1,059,058,152
Others	1,581,710,660	1,963,704,135
<b>TOTAL</b>	<b>18,165,144,133</b>	<b>12,575,178,280</b>



## 14. OWNERS' EQUITY

## 14.1 Increase and decrease in owners' equity

	Share capital	Share premium	Investment and development fund	Financial reserve fund	Undistributed earnings	VND Total
<b>Previous year</b>						
Beginning balance	103,723,650,000	2,856,593,370	7,772,961,706	7,066,092,486	35,934,721,140	157,354,018,702
Net profit for the year	-	-	-	-	38,302,863,214	38,302,863,214
Dividend declared	-	-	-	-	(31,117,095,000)	(31,117,095,000)
Profit appropriation	-	-	1,915,143,161	1,915,143,161	(3,830,286,322)	-
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(3,830,286,322)	(3,830,286,322)
Ending balance	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	35,459,916,710	160,709,500,594
<b>Current year</b>						
Beginning balance	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	35,459,916,710	160,709,500,594
Net profit for the year	-	-	-	-	36,363,767,134	36,363,767,134
Dividend declared	-	-	-	-	(18,670,257,000)	(18,670,257,000)
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(3,636,376,714)	(3,636,376,714)
Ending balance	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	49,517,050,130	174,766,634,014

## 14.2 Capital transactions with shareholders and distribution of dividends

	Current year	VND Previous year
<b>Contributed capital</b>		
Beginning balance and ending balance	103,723,650,000	103,723,650,000
<b>Dividends</b>		
Dividends declared	18,670,257,000	31,117,095,000
Dividends paid	18,658,868,400	31,110,165,000

According to the Shareholders' Resolution No.7-13/NQ-DT dated 13 April 2013, the Company planned to share dividends to its shareholders with 25% of face value of shares amounting to VND 25,930,912,500 for the year ended 31 December 2013. The Company has declared and paid dividends of 18% of face value of shares amounting to VND 18,670,257,000 and VND 18,658,868,400, respectively.

## 14.3 Shares

	Ending balance (share)	Beginning balance (share)
Authorised shares	10,372,365	10,372,365
Shares issued and fully paid		
<i>Ordinary shares</i>	10,372,365	10,372,365
Shares in circulation		
<i>Ordinary shares</i>	10,372,365	10,372,365

## 15. BASIC AND DILUTED EARNINGS PER SHARE

Basic and diluted earnings per share are calculated as follows:

	Current year	Previous year
Net profit for the year attributable to the Company's shareholders (VND)	36,363,767,134	38,302,863,214
Weighted average number of share (share)	10,372,365	10,372,365
Basic and diluted earnings per share (VND)	3,506	3,693



**16. REVENUE****16.1 Revenue from sale of goods and rendering of services**

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Gross revenue</b>	<b>238,360,193,177</b>	<b>231,931,578,511</b>
Of which:		
Revenue from sales of goods	237,676,626,815	231,274,028,840
Revenue from rendering of services	683,566,362	657,549,671
<b>Less</b>	<b>(993,263,788)</b>	<b>(648,068,973)</b>
Of which:		
Sales returns	(605,865,548)	(480,780,546)
Trade discount	(387,398,240)	(167,288,427)
<b>Net revenue</b>	<b>237,366,929,389</b>	<b>231,283,509,538</b>
Of which:		
Revenue from sales of goods	236,683,363,027	230,625,959,867
Revenue from rendering of services	683,566,362	657,549,671

**16.2 Finance income**

	VND	
	Current year	Previous year
Interest income	5,666,998,768	6,427,871,299
Realised foreign exchange gain	811,467,427	257,133,169
Unrealised foreign exchange gain	178,712,130	228,877,931
Payment discount	76,093,216	154,100,963
<b>TOTAL</b>	<b>6,733,271,541</b>	<b>7,067,983,362</b>

**17. FINANCE EXPENSES**

	VND	
	Current year	Previous year
Loan interest	1,101,597,106	1,534,488,869
Realised foreign exchange loss	1,108,414,229	348,419,309
Discounts for early payment	692,300	1,715,000
<b>TOTAL</b>	<b>2,210,703,635</b>	<b>1,884,623,178</b>

**18. OTHER INCOME AND EXPENSES**

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Other income</b>		
Proceeds from disposal of fixed assets and other long-term assets	1,304,053,046	40,454,545
Proceeds from scrap sales	1,170,752,953	1,123,334,363
Others	233,777,136	84,405,625
	<b>2,708,583,135</b>	<b>1,248,194,533</b>
<b>Other expenses</b>		
Net book value of disposed fixed assets and other long-term assets	(1,236,832,335)	(68,453,044)
Others	(543,921,316)	(32,647,540)
	<b>(1,780,753,651)</b>	<b>(101,100,584)</b>
<b>NET</b>	<b>927,829,484</b>	<b>1,147,093,949</b>

**19. PRODUCTION AND OPERATING COSTS**

	VND	
	Current year	Previous year
Raw materials	107,940,492,651	117,919,455,574
Labour costs	54,459,616,449	48,027,548,635
Depreciation and amortisation (Notes 7 & 8)	5,701,863,486	4,582,971,353
Expenses for external services	8,012,805,777	7,217,317,400
Other expenses	14,994,153,713	12,789,794,874
<b>TOTAL</b>	<b>191,108,932,076</b>	<b>190,537,087,836</b>

**20. CORPORATE INCOME TAX**

The Company has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 25% of taxable profits.

In accordance with Circular No. 140/2012/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 21 August 2012 which provides guidance on CIT reduction, the Company is entitled to 30% reduction on CIT payable in relation to the financial year 2012.

The tax returns filed by the Company are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.



**20.1 CIT expense**

	VND	
	Current year	Previous year
Current CIT expense	14,191,657,228	9,648,882,940
Deferred CIT expense (benefit)	1,152,970,341	(874,870,319)
<b>TOTAL</b>	<b>15,344,627,569</b>	<b>8,774,012,621</b>

**20.2 Current CIT**

The current tax payable is based on taxable profit for the year. The taxable profit of the Company for the year differs from the profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

A reconciliation between the profit before tax and taxable profit is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Profit before tax</b>	<b>51,708,394,703</b>	<b>47,076,875,835</b>
<i>Adjustments to increase (decrease) accounting profit</i>		
Non-deductible expenses	662,637,329	935,597,185
Accrued expenses	(122,000,000)	1,203,058,152
Accrual for severance pay	278,250,000	981,148,477
Others	5,037,494,473	1,436,893,468
Unrealised foreign exchange gains	(47,400,935)	(65,207,803)
<b>Estimated current taxable profit</b>	<b>57,517,375,570</b>	<b>51,568,365,314</b>
<b>Estimated current CIT</b>	<b>14,379,343,893</b>	<b>12,892,091,329</b>
CIT reduction in accordance with Circular No. 140/2012/TT-BTC	-	(3,179,408,389)
CIT reduction due to employing the certain women workers as determined by law	(72,600,000)	(63,800,000)
Adjustment for over accrual of tax from prior years	(115,086,665)	-
<b>Estimated CIT expense after reduction</b>	<b>14,191,657,228</b>	<b>9,648,882,940</b>
CIT payable at beginning of year	5,397,778,978	1,944,277,799
CIT paid during the year	(10,390,440,445)	(6,195,381,761)
<b>CIT payable at end of year</b>	<b>9,198,995,761</b>	<b>5,397,778,978</b>

**20.3 Deferred CIT**

The following are the deferred tax assets (deferred tax liabilities) recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and previous years:

	VND	
	Balance sheet	Income statement
	Ending balance	Beginning balance
	Current year	Previous year
Accrual for severance pay	554,031,500	560,018,750
Accrued expenses	4,840,000	300,764,538
Others	-	843,432,747
Unrealised foreign exchange gains	(30,979,134)	(23,353,328)
<b>Net deferred tax assets</b>	<b>527,892,366</b>	<b>1,680,862,707</b>
<b>Deferred income tax (charge) credit to the income statement</b>	<b>(1,152,970,341)</b>	<b>874,870,319</b>

**21. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES**

Remuneration to members of the Boards of Directors and Management:

	VND	
	Current year	Previous year
Salaries and bonus	2,269,965,000	1,888,558,000

**22. OPERATING LEASE COMMITMENTS**

The Company leases lands and stores under operating lease arrangements. The minimum lease commitment as at 31 December under the operating lease agreements is as follows:

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Less than 1 year	2,136,985,880	2,324,998,389
From 1 to 5 years	4,941,943,519	5,375,065,555
More than 5 years	35,662,935,589	36,189,375,023
<b>TOTAL</b>	<b>42,741,864,988</b>	<b>43,889,438,967</b>



### 23. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES

The Company's principal financial liabilities comprise loans, trade and other payables. The main purpose of these financial liabilities is to finance the Company's operations. The Company has trade and other receivables and cash and short-term deposits that arise directly from its operations. The Company does not hold or issue any derivative financial instruments.

The Company is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk.

Management reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below.

#### Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include loans and deposits.

##### Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Company's exposure to the risk of changes in market interest rates relates primarily to the Company's loans with floating interest rate.

The Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes within its risk management limits.

##### Interest rate sensitivity

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in interest rates on that portion of loans.

With all other variables held constant, the Company's profit before tax is affected through the impact on floating rate borrowings as follows:

		(VND)
For the year ended	Increase/decrease in basis points	Effect on profit before tax
31 December 2013	+170	(632,486,952)
	-170	632,486,952
31 December 2012	+135	(726,993,979)
	-135	726,993,979

#### Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates. The Company's exposure to the risk of changes in foreign exchange rates relates primarily to the Company's operating activities.

The Company is exposed to foreign currency risk in relation to sale of goods and obtaining of loans which are denominated in currencies other than its accounting currency as disclosed in Note 2.4. The Company manages its foreign currency exposure by considering the prevailing and expected market situation when it plans for future sale of goods and obtaining of loans denominated in foreign currencies, other than increasing natural-hedged proportion. The Company does not employ any derivative financial instruments to hedge its foreign currency exposure.

##### Foreign currency sensitivity

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in the US\$ exchange rate, with all other variables held constant, of the Company's profit before tax (due to changes in the fair value of monetary assets and liabilities). The Company's exposure to foreign currency changes for all other currencies is not material.

	Change in US\$ rate (%)	Effect on profit before tax (VND)
For the year ended		
31 December 2013		
US\$	+2.00	(508,638,515)
US\$	-2.00	508,638,515
31 December 2012		
US\$	+0.55	(217,284,016)
US\$	-0.55	217,284,016

#### Credit risk

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Company is exposed to credit risk from its operating activities primarily for trade receivables and from its financing activities, including deposits with banks.

##### Trade receivables

Customer credit risk is managed by the Company based on its established policy, procedures and control relating to customer credit risk management.

Outstanding customer receivables are regularly monitored and any shipments to major customers are generally covered by letters of credit. The requirement for impairment is analyzed at each reporting date on an individual basis for major customers. The Company seeks to maintain strict control over its outstanding receivables to minimize credit risk. In view of the aforementioned and the fact that the Company's trade receivables relate to a large number of diversified customers, there is no significant concentration of credit risk.



*Bank deposits*

The Company's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Company's management in accordance with the Company's policy. The Company's maximum exposure to credit risk for the components of the balance sheet at each reporting dates are the carrying amounts as illustrated in Note 4 and Note 5. The Company's management evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposits as low.

**Liquidity risk**

The liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Company's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and liabilities.

The Company monitors its liquidity risk by maintain a level of cash and cash equivalents and bank loans deemed adequate by management to finance the Company's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Company's financial liabilities based on contractual undiscounted payments:

	Less than 1 year	From 1 to 5 years	VND Total
<b>Ending balance</b>			
Short-term loans	37,205,114,839	-	37,205,114,839
Trade payables	9,769,895,826	-	9,769,895,826
Accrued expenses and other payables	18,620,994,099	205,140,000	18,826,134,099
<b>TOTAL</b>	<b>65,596,004,764</b>	<b>205,140,000</b>	<b>65,801,144,764</b>
<b>Beginning balance</b>			
Short-term loans	53,732,904,022	-	53,732,904,022
Trade payables	9,913,495,842	-	9,913,495,842
Accrued expenses and other payables	3,630,881,851	182,620,000	3,813,501,851
<b>TOTAL</b>	<b>67,277,281,715</b>	<b>182,620,000</b>	<b>67,459,901,715</b>

The Company assessed the concentration of risk with respect to refinancing its debt and concluded it to be low. Access to sources of funding is sufficiently available and debt maturing within 12 months can be rolled over with existing lenders.

**Collateral**

The Company has pledged part of its short-term investments, building and structure, and land use right in order to fulfil the collateral requirements for the short-term loans obtained from commercial banks (Note 11). The banks have an obligation to return these collaterals to the Company. There are no other significant terms and conditions associated with the use of collateral.

The Company did not hold any collateral from third parties at 31 December 2013 and 31 December 2012.

**24. FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES**

Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Company's financial instruments that are carried in the financial statements.

	Carrying amount		Fair value	
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
<b>Financial assets</b>				
Short-term deposits	91,000,000,000	47,900,000,000	91,000,000,000	47,900,000,000
Trade receivables	20,993,457,039	20,675,506,279	20,993,457,039	20,675,506,279
Other receivables	1,769,614,401	445,654,023	1,769,614,401	445,654,023
Other non-current financial asset	270,000,000	270,000,000	270,000,000	270,000,000
Cash and cash equivalents	3,499,241,715	34,976,093,331	3,499,241,715	34,976,093,331
<b>TOTAL</b>	<b>117,532,313,155</b>	<b>104,267,253,633</b>	<b>117,532,313,155</b>	<b>104,267,253,633</b>
<b>Financial liabilities</b>				
Short-term loans	37,205,114,839	53,732,904,022	37,205,114,839	53,732,904,022
Trade payables	9,769,895,826	9,913,495,842	9,769,895,826	9,913,495,842
Other liabilities	7,339,325,099	3,813,501,851	7,339,325,099	3,813,501,851
<b>TOTAL</b>	<b>54,314,335,764</b>	<b>67,459,901,715</b>	<b>54,314,335,764</b>	<b>67,459,901,715</b>

The fair value of the financial assets and liabilities are included at the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale. Cash and cash equivalents, short-term deposits, trade receivables, trade payables and other current liabilities approximate their carrying amounts largely due to the short-term maturities of these instruments.



## 25. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There has not been any matter or circumstance that has arisen since the balance date that has affected or may significantly affect the operations of the Company, the results of those operations or the state of affairs of the Company in subsequent periods.



**Tran Nguyen Viet Trung**  
Preparer

31 March 2013



**Bui Phuong Thao**  
Chief Accountant



**Le Hong Thang**  
General Director





Wooden toys



Learning by playing  
Intelligence and creativity  
Imagination stimulus, creative thinking.



[www.winwintoys.com](http://www.winwintoys.com)